**BỘ TÀI CHÍNH**

**ĐỀ ÁN**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030**

**Hà Nội - 7/2022**

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên viết tắt** | **Tên đầy đủ** |
| DNBH | Doanh nghiệp bảo hiểm |
| DNTBH | Doanh nghiệp tái bảo hiểm |
| DNMG | Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm |
| IAIS | Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế |
| TTBH | Thị trường bảo hiểm |
| VIDI | Viện phát triển bảo hiểm Việt Nam |

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030**

**I. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Thị trường bảo hiểm là một trong ba trụ cột quan trọng của thị trường tài chính, có vai trò ổn định sản xuất, đời sống, huy động nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ; bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội và từng bước tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm.

Qua 10 năm triển khai, Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đã cho thấy vai trò quan trọng trong định hướng và triển khai các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, xây dựng thị trường bảo hiểm ngày càng chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm ngày càng đa dạng của người dân.

Dự báo 10 năm tiếp theo, bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục có những diễn biến khó lường, đại dịch Covid-19 có thể kéo dài ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống con người và các hoạt động kinh tế- xã hội; cuộc xung đột Nga-Ukraine và các biện pháp trừng phạt kinh tế làm cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới sau dịch Covid-19 và xu hướng phát triển không ngừng của cách mạng khoa học công nghệ có thể làm thay đổi cục diện và cấu trúc thị trường tài chính. Bên cạnh đó, thị trường bảo hiểm Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của điều kiện khí hậu ngày càng cực đoan và xu thế dân số già.

Năm 2020, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua Chiến lược phát triển kinh tế -xã hội giai đoạn 2021-2030. Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030 nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ định hướng phát triển chung của nền kinh tế và thúc đẩy nền tài chính lành mạnh, an toàn bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

Việc xây dựng Đề án Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án) là cần thiết, nhằm đưa ra các định hướng chiến lược và cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp thực hiện mục tiêu nhằm phát triển và quản lý thị trường bảo hiểm một cách chủ động, tích cực, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030, Chiến lược tài chính đến năm 2030 và các định hướng phát triển kinh tế- xã hội khác có liên quan trong thời kỳ mới.

**II. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu của Đề án**

- Phạm vi nghiên cứu: Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đặt ra trong Chiến lược phát triển TTBH giai đoạn 2011-2020 và xây dựng mục tiêu, giải pháp cho Chiến lược phát triển TTBH đến năm 2030.

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của Đề án là thị trường bảo hiểm bao gồm: các đối tượng tham gia thị trường bảo hiểm (cơ quan quản lý, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, các tổ chức, cá nhân có liên quan) và hoạt động đối tượng này trên thị trường bảo hiểm; đề xuất các mục tiêu, giải pháp cần thực hiện đến năm 2030.

**III. Mục tiêu xây dựng Đề án**

Trên cơ sở tổng kết đánh giá tình hình thực hiện 01 mục tiêu tổng quát, 05 mục tiêu cụ thể và 06 giải pháp đã nêu trong Chiến lược phát triển TTBH giai đoạn 2011-2020; mục tiêu của Đề án nhằm xác định rõ các kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế so với các mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2011-2020; đồng thời đánh giá nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế này.

Nhận định bối cảnh và những thách thức đặt ra trong 10 năm tới để đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp; đồng thời, bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Chiến lược tài chính đến năm 2030,... cũng như khắc phục các điểm hạn chế, tồn tại qua đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển TTBH giai đoạn trước đây để xây dựng Chiến lược phát triển TTBH đến năm 2030.

**Phần thứ hai**

**TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2020**

**I. Tổng quan về thị trường bảo hiểm Việt Nam**

***1. Về xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách***

Trong giai đoạn 2011-2020, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn của thị trường, tính tương thích với các cam kết quốc tế Việt Nam tham gia là thành viên. Từ năm 2011 cho đến năm 2020, đã có 67 văn bản do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, bao gồm 01 Luật, 18 Nghị định của Chính phủ, 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 41 Thông tư. Các văn bản quy phạm pháp luật trên đã điều chỉnh tương đối toàn diện các vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, khá phù hợp với thực tiễn và tạo lập được hành lang pháp lý vững chắc, góp phần thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển.

***2. Về kết quả hoạt động của thị trường bảo hiểm***

Sau khi thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm đã hoàn thiện và lớn mạnh cả về quy mô, số lượng doanh nghiệp và chất lượng sản phẩm dịch vụ. Thị trường bảo hiểm đã có sự đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội, như: góp phần thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy tiết kiệm cho nền kinh tế; góp phần bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân có thể tự thu xếp, bảo vệ về mặt tài chính, và được bảo hiểm chi trả bồi thường khi không may xảy ra tai nạn, ốm đau, mà không cần tới sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước; bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, giúp cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh mà không cần sử dụng đến các giải pháp tín dụng và dự phòng tài chính khác; thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế; góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Số lượng doanh nghiệp bảo hiểm: Đến hết 2020, tổng số doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại thị trường là 71 doanh nghiệp, trong đó 31 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 18 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm, 19 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Số lượng văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là 21 văn phòng.

- Tổng tài sản: Năm 2011, tổng tài sản của thị trường bảo hiểm là 106.246 tỷ đồng. Năm 2020, tổng tài sản của thị trường bảo hiểm đạt 573.225 tỷ đồng, tăng 440% so với năm 2011, trong đó, tổng tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 473.733 tỷ đồng, tổng tài sản doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 99.491 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng tài sản giai đoạn 2011-2020 đạt 19%/năm.

- Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế: Năm 2011, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của thị trường bảo hiểm là 83.439 tỷ đồng. Năm 2020, số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của thị trường bảo hiểm đạt 468.563 tỷ đồng, tăng 462% so với năm 2011, trong đó, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 415.684 tỷ đồng, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 52.879 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế giai đoạn 2011-2020 đạt 20%/năm.

- Tổng dự phòng nghiệp vụ: Năm 2011, tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm là 61.878 tỷ đồng. Năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đạt 364.793 tỷ đồng, tăng 490% so với năm 2011, trong đó, dự phòng nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 337.550 tỷ đồng, dự phòng nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 27.243 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2011-2020 đạt 21%/năm.

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm: Năm 2011, doanh thu phí bảo hiểm là 36.552 tỷ đồng. Năm 2020, doanh thu phí bảo hiểm đạt 185.960 tỷ đồng, tăng 409% so với năm 2011, trong đó, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ là 129.291 tỷ đồng, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ là 56.669 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu phí bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đạt 20%/năm.

- Tổng vốn chủ sở hữu: Năm 2011, vốn chủ sở hữu của cả thị trường bảo hiểm là 31.723 tỷ đồng. Năm 2020, vốn chủ sở hữu của cả thị trường bảo hiểm đạt 127.777 tỷ đồng, tăng 303% so với năm 2011, trong đó, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 94.213 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ là 33.564 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân vốn chủ sở hữu giai đoạn 2011-2020 đạt 16%/năm.

- Chi trả bồi thường bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm: Năm 2011, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm là 15.971 tỷ đồng. Năm 2020, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm cả thị trường đạt 48.768 tỷ đồng, tăng 205% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân số tiền chi trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đạt 15%/năm.

***3. Về sản phẩm bảo hiểm***

Các sản phẩm bảo hiểm được phát triển về số lượng và chất lượng, phục vụ nhu cầu đa dạng của người tham gia bảo hiểm. Hiện nay, thị trường bảo hiểm có khoảng 2.884 sản phẩm bảo hiểm phục vụ nhu cầu ngày một đa dạng của người tham gia bảo hiểm. Một số sản phẩm có tính an sinh xã hội cao như: bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm thủy sản, bảo hiểm hưu trí... đã đạt được kết quả đáng kể, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

***4. Về kênh phân phối***

Chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối đại lý đã được chú trọng nâng cao. Các DNBH đã tiến hành rà soát lại hệ thống đại lý và nâng cao điều kiện tuyển dụng, nâng hạng đại lý, chất lượng đào tạo đại lý, từ đó hạn chế tình trạng đại lý mạo danh, đại lý hoạt động mà không được đào tạo, không có chứng chỉ. Bên cạnh kênh đại lý truyền thống, các kênh phân phối mới như bán bảo hiểm qua ngân hàng, bán hàng qua điện thoại, qua hệ thống bưu điện, bán hàng trực tuyến,... đã được các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển.

***5. Về quản lý, giám sát***

Hoạt động quản lý, giám sát được tăng cường và chuẩn hóa theo các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành. Cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm của Việt Nam tham gia tích cực Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế, qua đó chia sẻ các thông tin về quản lý, giám sát trong lĩnh vực bảo hiểm, đồng thời thông qua diễn đàn giới thiệu về hình ảnh đất nước và môi trường đầu tư của Việt Nam với bạn bè quốc tế.

**II. Đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển TTBH năm 2011-2020**

**1. Kết quả các mục tiêu Chiến lược**

**1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát**

***a) Mục tiêu*:** *Phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ; bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tăng cường tính an toàn, bền vững và hiệu quả của thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm và từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực.*

***b)Kết quả thực hiện:***

*Thứ nhất, về phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ.*

Trong giai đoạn 2011-2020, mặc dù còn có những khó khăn, thách thức nhất định, song với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các cơ quan liên quan, việc triển khai đồng bộ nhiều nhóm giải pháp hoàn thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bảo hiểm, TTBH vẫn tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng khá tích cực, các mục tiêu tổng quát của Chiến lược đã từng bước được thực hiện và bảo đảm yêu cầu đặt ra, cụ thể:

- Phát triển TTBH phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong giai đoạn 2011-2020, số lượng doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tăng gần 25%, từ 57 doanh nghiệp năm 2011 lên 71 doanh nghiệp năm 2020. Trong đó, có 31 DNBH phi nhân thọ, 01 chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài; 18 DNBH nhân thọ, 02 DNTBH và 19 DNMG với các hình thức pháp lý đa dạng, bao gồm công ty TNHH, công ty cổ phần và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài. Việc hình thành thị trường bảo hiểm với sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hoạt động trong tất cả các lĩnh vực bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm là yếu tố thúc đẩy các doanh nghiệp chú trọng cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ, ngày càng phục vụ khách hàng tốt hơn, góp phần vào sự phát triển chung của thị trường bảo hiểm.

- Năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm đều được nâng cao, cụ thể: Tổng doanh thu của thị trường đạt mức tăng trưởng bình quân 19%/năm giai đoạn 2011-2020. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm tăng bình quân 19,8%/năm, doanh thu hoạt động đầu tư tăng bình quân 16,8%/năm. Tổng tài sản, tổng các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhằm sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng của các DNBH, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đều tăng bình quân khoảng 20%/năm. Trong giai đoạn 2011-2020, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện bồi thường và chi trả quyền lợi bảo hiểm lên đến 285.870 tỷ đồng. Sự phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường bảo hiểm với các thị trường tài chính khác đã góp phần vào việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

*Thứ hai, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên*

Tính đến cuối năm 2020, đã có 14 hiệp định thương mại tự do liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm đã đi vào thực thi (ATIGA; ACFTA; AKFTA; AJCEP; VJEPA; AIFTA; AANZFTA, VCFTA; VKFTA; VN-EAEUFTA; CPTPP; AHKFTA; EVFTA; UKFTA); 01 hiệp định có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 (RCEP) và 02 hiệp định đang trong quá trình đàm phán, chuẩn bị ký kết (VN-EFTA FTA và VIFTA). Ngoại trừ CPTPP và EVFTA, các hiệp định đã ký kết khác đều có mức cam kết ngang bằng với cam kết WTO. Các quy định pháp lý trong lĩnh vực bảo hiểm đều được sửa đổi, bổ sung kịp thời để đảm bảo việc thực hiện các cam kết quốc tế trên, cụ thể như sau:

- Việt Nam gia nhập WTO từ năm 2007, theo đó có bao gồm các cam kết có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Để đảm bảo thực hiện các cam kết WTO cũng như các hiệp định khác có mức cam kết tương đương, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 123/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong đó cho phép thành lập chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới.

- Việt Nam ký kết Hiệp định CPTPP năm 2018, trong đó các cam kết liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ năm 2019. Để đảm bảo thực hiện các cam kết tại CPTPP, Quốc hội đã ban hành Luật số 42/2019/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV ngày 14/6/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/11/2019. Nội dung Luật được xây dựng trên tinh thần đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ với nội dung cam kết tại Hiệp định CPTPP và Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội, theo đó sửa đổi, bổ sung quy định về 5 loại hình dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, bao gồm: tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm. Ngày 01/11/2019 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 80/2019/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và Nghị định số 48/2018/NĐ-CP.

- Việt Nam ký kết Hiệp định EVFTA năm 2019, theo đó bao gồm các cam kết liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ năm 2023. Để đảm bảo thực hiện các cam kết này, năm 2019, Chính phủ đã trình Quốc hội hồ sơ dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), theo đó cho phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài.Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XV thông qua vào kỳ họp thứ 3 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ 1/1/2023 phù hợp với các cam kết tại Hiệp định EVFTA.

- Việt Nam ký kết Hiệp định RCEP vào tháng 11/2020, theo đó các cam kết liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Các quy định pháp lý trong nước đã phù hợp với các cam kết liên quan đến kinh doanh bảo hiểm tại Hiệp định RCEP.

*Thứ ba, tăng cường tính an toàn, bền vững và hiệu quả của thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội*

- Trong giai đoạn 2011-2020, tổng giá trị được bảo hiểm là 11,7 triệu tỷ đồng, trong đó tổng giá trị kinh tế tài sản được bảo hiểm của khu vực doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế lên tới hơn 10 triệu tỷ đồng, tổng giá trị được bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là 3,76 triệu tỷ đồng; trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe là 2,07 triệu tỷ đồng. Tính đến hết năm 2020, gần 16 triệu người có bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe (11,9 triệu bảo hiểm nhân thọ, 4 triệu bảo hiểm sức khỏe); 12 triệu học sinh được bảo hiểm tai nạn (tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm gần 60%); trên 32 triệu lượt khách được bảo hiểm hàng không (tỷ lệ thâm nhập 100%); gần 4 triệu lượt khách được bảo hiểm tai nạn đường sắt (tỷ lệ thâm nhập 100%); 1.620 triệu lượt khách được bảo hiểm tai nạn hành khách vận chuyển đường bộ (tỷ lệ thâm nhập 61%).

Hệ thống sản phẩm bảo hiểm được mở rộng và đa dạng hoá. Đến nay, tổng số sản phẩm bảo hiểm trên thị trường có khoảng 2.884 sản phẩm bảo hiểm, trong đó có khoảng 2.350 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 534 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Chất lượng sản phẩm được cải thiện, nhiều sản phẩm bảo hiểm mới được ra đời, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người tham gia bảo hiểm. Ngoài các sản phẩm bảo hiểm truyền thống mang tính chất bảo vệ đơn thuần, còn có các sản phẩm bảo hiểm mới thêm lựa chọn đầu tư tài chính như bảo hiểm liên kết đầu tư. Bên cạnh các sản phẩm triển khai mang tính chất kinh doanh, còn có các sản phẩm triển khai nhằm phục vụ chính sách của Nhà nước về an sinh xã hội như bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm vi mô cho người có thu nhập thấp; bảo hiểm thủy sản; thực hiện chính sách tam nông như chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp; thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động xuất khẩu của Việt Nam như chương trình thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Tính đến hết năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng đạt 364.793 tỷ đồng gấp 6,6 lần so với năm 2010. Quy mô quỹ dự phòng tăng đảm bảo mục tiêu đóng góp vào ổn định kinh tế-xã hội, đáp ứng bồi thường và chi trả quyền lợi khách hàng kịp thời khi xảy ra rủi ro hoặc những nhiệm vụ mang tính chất cấp bách, đột xuất của Chính phủ, điển hình như các vụ gây rối loạn, mất trật tự tại Bình Dương, Đồng Nai, Hà Tĩnh vào năm 2014 và tai nạn tại đặc khu kinh tế Formosa Vũng Áng tháng 3/2015.

*Thứ tư, tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm và từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực.*

Hiện nay, theo báo cáo tự đánh giá với Diễn đàn các nhà quản lý bảo hiểm Đông Nam Á (AIRM), Việt Nam đã tuân thủ hoàn toàn 13/26 các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hoạt động quản lý, giám sát được tăng cường và chuẩn hóa theo các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS) ban hành, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực. Các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo hiểm được mở rộng. Hội nhập kinh tế đã tạo điều kiện hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế về giám sát bảo hiểm do IAIS ban hành. Các chính sách về quản trị doanh nghiệp, hệ thống cảnh báo sớm đã được hình thành thông qua cơ chế tham vấn, chia sẻ thông tin qua diễn đàn Hội nghị các nhà quản lý bảo hiểm ASEAN (AIRM). Hợp tác song phương với các tổ chức, đối tác quốc tế đã và đang hỗ trợ cơ quan quản lý, giám sát xây dựng chính sách về bảo hiểm thiên tai (WB, ADB), bảo hiểm năng lượng nguyên tử (Pool bảo hiểm năng lượng nguyên tử Nhật Bản), phát triển hệ thống công nghệ thông tin (WB), đào tạo tăng cường năng lực (FSS Hàn Quốc, FSA Nhật Bản)...

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bảo hiểm và Hiệp hội bảo hiểm cũng tích cực mở rộng quan hệ với các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm quốc tế, các Hiệp hội bảo hiểm trong khu vực nhằm tăng cường cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài, nâng cao năng lực tài chính, bảo vệ các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam trong trường hợp phải bồi thường cho các tổn thất về thiên tai, dịch bệnh mang tính chất thảm hoạ, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh hoạt động đào tạo và trao đổi thông tin phục vụ tốt hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

**1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể**

***a) Về cơ chế chính sách***

***- Mục tiêu:*** *Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam*.

***- Kết quả thực hiện:***

Luật Kinh doanh bảo hiểm được Quốc hội ban hành từ năm 2000. Năm 2010, Quốc hội đã ban hành Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong đó bổ sung quy định về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo cam kết quốc tế WTO. Chính phủ đã ban hành Nghị định 123/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Nghị định 73/2016/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số vấn đề như điều kiện kinh doanh, loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, v.v...nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường bảo hiểm và đồng bộ với quy định mới tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. Ngày 15/5/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016.

Năm 2018, thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2018/NĐ-CP trong đó cắt, giảm trên 50% điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP, tạo thuận lợi các nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân tham gia thị trường.

Năm 2019, nhằm đáp ứng các các cam kết quốc tế tại Hiệp định thương mại đối tác toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Quốc hội đã ban hành Luật số 42/2019/QH14 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ, trong đó đã bổ sung quy định về 05 loại dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Ngày 1/11/2019, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 80/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72016/NĐ-CP, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và Nghị định số 48/2018/NĐ-CP. Theo đó, Nghị định quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn, quản lý giám sát cung cấp dịch vụ phụ trợ qua biên giới, quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/2/2019 phê duyệt Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó, Đề án đã nêu ra các định hướng, mục tiêu chính cho việc phát triển thị trường bảo hiểm giai đoạn 2020-2025 bao gồm phát triển thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội; doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh trong nước và khu vực. Đề án cơ cấu lại thị trường bảo hiểm cũng đặt ra các giải pháp cơ cấu lại thị trường bảo hiểm bao gồm (i) Hoàn thiện cơ sở pháp lý; (ii) Nâng cao minh bạch thông tin; (iii) Phát triển và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm; (iv) Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử phạt hành chính; (v) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (vi) Tăng cường vai trò của các hội nghề nghiệp; (vii) Tăng cường kết nối liên thông giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại; (viii) Đẩy mạnh tuyên truyền về bảo hiểm; (ix) Thiết lập hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu cho thị trường bảo hiểm.

Bên cạnh hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật kinh doanh bảo hiểm xương sống, các văn bản quy phạm pháp luật về các nghiệp vụ, kênh phân phối, sản phẩm cũng được ban hành như: bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới; bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh; bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị. Một số quy định nhằm đáp ứng các yêu cầu cấp thiết cho nền kinh tế, thực hiện các chính sách lớn của Nhà nước, góp phần thực hiện an sinh xã hội cũng đã được nghiên cứu, xây dựng như: bảo hiểm nông nghiệp; một số chính sách phát triển thủy sản, bảo hiểm năng lượng nguyên tử, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Cho đến hết năm 2020, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đã được xây dựng tương đối đầy đủ, với Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, 14 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 21 Thông tư hướng dẫn thi hành còn hiệu lực. Qua đó thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển ổn định, lành mạnh, vững chắc, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm được đồng bộ hóa với các quy định pháp luật khác có liên quan như pháp luật về thuế, luật doanh nghiệp, luật dân sự...

***b)* *Về nâng cao tính an toàn hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm***

***- Mục tiêu:*** *Các doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh tích cực trên thị trường trong nước và khu vực.*

***- Kết quả thực hiện:***

Tính đến hết năm 2020, 51/52 DNBH đảm bảo khả năng thanh toán. Đa số các doanh nghiệp đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đã xây dựng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, từng bước chuẩn hoá các khâu trong hoạt động kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài đã tổ chức được hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành.

Tính đến cuối năm 2020, đã có 08 DNBH phi nhân thọ và DNTBH được A.M.Best xếp hạng: Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina (A-); Tổng công ty bảo hiểm PVI (B++); Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (B+); Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam ( B++); Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm PVI (B+); Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Minh (B++); Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện (B++), Công ty TNHH bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (B++).

***c)* *Về đa dạng hóa sản phẩm***

***- Mục tiêu:*** *Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, bảo đảm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức và cá nhân. Tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các đối tượng có thu nhập thấp được tham gia bảo hiểm.*

***- Kết quả thực hiện:***

Tính đến hết 2020, toàn thị trường có 2.884 sản phẩm bảo hiểm (2.350 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 534 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ). Các sản phẩm bảo hiểm được phát triển theo hướng ngày càng đa dạng và linh hoạt, thực hiện cho tất cả 7 nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, 11 nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và 3 nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Tài chính đã triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô (hướng dẫn triển khai thí điểm đối với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Trung tâm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tài chính cộng đồng thuộc Hội Khuyến học Việt Nam), bổ sung bảo hiểm bảo lãnh thuộc nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các sản phẩm bảo hiểm mới như bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe cũng đã được triển khai, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng tiến hành nghiên cứu về bảo hiểm bảo lãnh thông quan, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

***d)* *Về kênh phân phối***

***- Mục tiêu:*** *Đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm, tạo cầu nối hiệu quả giữa các doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng*.

***- Kết quả thực hiện:***

Chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối đã được chú trọng nâng cao. Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tiến hành rà soát lại hệ thống đại lý và cấp thẻ đại lý theo quy định của pháp luật, nâng cao điều kiện tuyển dụng, nâng hạng đại lý, chất lượng đào tạo đại lý, từ đó hạn chế tình trạng đại lý mạo danh, đại lý hoạt động mà không được đào tạo, không có chứng chỉ. Bên cạnh kênh đại lý truyền thống, các kênh phân phối mới như bán bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance), bán hàng qua điện thoại, qua hệ thống bưu điện, bán hàng qua internet,... đã được các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển. Tính đến hết năm 2020, thị trường bảo hiểm có hơn 1 triệu đại lý bảo hiểm.

Trong giai đoạn 2011-2020, kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Trong giai đoạn 2016-2020, doanh thu bảo hiểm nhân thọ khai thác mới đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 20% /năm. Đến hết năm 2020, tỷ trọng doanh thu khai thác mới qua kênh ngân hàng của bảo hiểm nhân thọ là 30%, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm. Trong 3 năm trở lại đây, việc phân phối bảo hiểm qua internet cũng được các doanh nghiệp chú trọng và đầu tư phát triển.

Việc đào tạo đại lý và cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý và các tổ chức đào tạo đại lý (chủ yếu là doanh nghiệp bảo hiểm). Trong giai đoạn 2011-2020, ngoài việc phê duyệt các chương trình đào tạo đại lý theo quy định, Bộ Tài chính (VIDI, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) thực hiện vai trò chuẩn hóa chất lượng đào tạo đại lý cho thị trường thông qua công tác ra đề thi, giám sát thi đại lý, phê duyệt kết quả thi cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm. Việc thi, cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm được thực hiện quy củ với sự tham gia giám sát của cơ quan quản lý trên cả 3 miền Bắc-Trung- Nam, bảo đảm chỉ những đại lý đáp ứng điều kiện về thời gian đào tạo, kết quả đào tạo mới được cấp chứng chỉ.

Từ năm 2011 đến hết năm 2020, VIDI đã phê duyệt kết quả 208.787 kỳ thi ĐLBH, với tổng số 3.365.557 lượt thí sinh dự thi, trong đó 3.106.893 lượt thí sinh đỗ (Trong số đó, trực tiếp tổ chức 52.373 kỳ thi với 962.079 lượt thí sinh). Căn cứ kết quả phê duyệt của VIDI, các DNBH đã cấp 2.718.786 chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính (VIDI, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) cũng phối hợp với các tổ chức đào tạo bảo hiểm quốc tế như ANZIF, các trường đại học, các doanh nghiệp bảo hiểm để tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức nghiệp vụ bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

***đ) Về quản lý, giám sát***

***- Mục tiêu:*** *Tổ chức công tác quản lý, giám sát thị trường chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả; phát huy mạnh mẽ vai trò thành viên của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm tại Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; từng bước tuân thủ các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.*

***- Kết quả thực hiện:***

+ Về cấp phép: Giai đoạn 2011- 2020, Bộ Tài chính đã cấp phép cho 14 doanh nghiệp, bao gồm: 06 doanh nghiệp bảo hiểm (04 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 02 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ), 07 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng thực hiện cấp phép cho 07 doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Đến hết 2020, tổng số doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại thị trường là 71 doanh nghiệp. Số lượng văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là 21 văn phòng. Việc cấp phép thực hiện theo cơ chế một cửa, các quy định rõ ràng và chỉ tại 01 văn bản quy phạm pháp luật đã tạo điều kiện cho các chủ đầu tư trong việc chuẩn bị hồ sơ và đáp ứng các điều kiện đề nghị cấp phép.

+ Về quản lý, giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ: Công tác quản lý, giám sát nhà nước về kinh doanh bảo hiểm được đẩy mạnh theo hướng kết hợp giữa quản lý, giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ, tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Công tác quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm thực hiện trên cơ sở các quy định pháp lý tại Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành, chủ yếu thực hiện trên cơ sở công văn đề nghị và báo cáo số liệu của doanh nghiệp bảo hiểm. Một số công tác thực hiện bao gồm: phê chuẩn các thay đổi phải được chấp thuận (thay đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động, sản phẩm bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình đào tạo đại lý bảo hiểm, phân chia thặng dư, v.v...); tiếp nhận và giải quyết các phản ánh, khiếu nại của thị trường bảo hiểm; định kỳ đánh giá và phân tích tình hình doanh nghiệp, thị trường trên cơ sở số liệu do doanh nghiệp báo cáo. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để ghi nhận các đóng góp về cơ chế chính sách cũng như giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Tài chính đã tiến hành 49 đoàn thanh tra và 121 đoàn kiểm tra doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, trong đó 43 đoàn kiểm tra doanh nghiệp nhân thọ, 52 đoàn kiểm tra doanh nghiệp phi nhân thọ, 26 đoàn kiểm tra doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã đánh giá được tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh bảo hiểm và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, kịp thời lưu ý các doanh nghiệp bảo hiểm trong công tác quản trị tài chính, rà soát và hoàn thiện quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tuân thủ tốt quy định pháp luật. Bên cạnh đó, thông qua công tác thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện những vướng mắc, phát sinh trong thực tế để góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách, giúp thị trường phát triển lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

+ Về cơ quan quản lý: Trong giai đoạn 2011-2020, cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm đã được kiện toàn về mô hình tổ chức và tăng cường về chức năng, nhiệm vụ. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành và bộ phận thống kê, thông tin TTBH được thành lập, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, thông tin thị trường, hỗ trợ thị trường phát triển an toàn, ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm. Tháng 12/2020, Trung tâm nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm đã được chuyển đổi thành Viện phát triển bảo hiểm Việt Nam (VIDI) với nhiều chức năng mới như thu thập, xử lý và cung cấp dữ liệu thông tin cho cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm và thị trường bảo hiểm, xây dựng mức phí bảo hiểm tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm cơ bản của một số sản phẩm bảo hiểm theo quy định pháp luật.

Hoạt động quản lý, giám sát được tăng cường và chuẩn hóa dần theo các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành. Cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm của Việt Nam tham gia tích cực Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á (AIRM) và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS), qua đó chia sẻ các thông tin về quản lý, giám sát trong lĩnh vực bảo hiểm, đồng thời thông qua diễn đàn giới thiệu về hình ảnh đất nước và môi trường đầu tư của Việt Nam với bạn bè quốc tế.

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể**

***2.1. Về chỉ tiêu tổng doanh thu bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu:*** *Tổng doanh thu ngành bảo hiểm đến năm 2015 đạt 2% - 3% GDP và đến năm 2020 đạt 3% - 4% GDP.*

***- Kết quả thực hiện:*** Hoàn thành mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể:

+ Đến hết năm 2015, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 84.506 tỷ đồng, đạt khoảng 2% GDP, hoàn thành chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg. Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 16,8%/năm (từ 46.985 tỷ đồng năm 2011 lên 84.506 tỷ đồng năm 2015). Trong đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng bình quân 13,41%/năm, lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tăng bình quân 22,9%/năm.

+ Đến hết năm 2020, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 220.705 tỷ đồng năm 2020, tương đương 3,55% GDP[[1]](#footnote-1), hoàn thành mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg. Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 22%, từ 87.364 tỷ đồng năm 2016 lên 220.705 tỷ đồng năm 2020. Trong đó, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt 60.868 tỷ đồng (tăng bình quân 12%/năm), các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 159.837 tỷ đồng (tăng bình quân 26%/năm).

***2.2. Về chỉ tiêu quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu:*** *Đến năm 2015, quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng gấp 2 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, tăng gấp 4,5 lần so với năm 2010.*

***- Kết quả thực hiện:*** Hoàn thành vượt mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể:

+ Tính đến hết năm 2015, tổng dự phòng nghiệp vụ nhằm sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng của các DNBH đạt 119.540 tỷ đồng, tăng 2,16 lần so với năm 2010, hoàn thành chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg. Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 17%/năm. Quy mô quỹ dự phòng tăng đảm bảo mục tiêu đóng góp vào ổn định kinh tế-xã hội, đáp ứng bồi thường và chi trả quyền lợi khách hàng kịp thời khi xảy ra rủi ro hoặc những nhiệm vụ mang tính chất cấp bách, đột xuất của Chính phủ, điển hình như các vụ gây rối loạn, mất trật tự tại Bình Dương, Đồng Nai, Hà Tĩnh vào năm 2014 và tai nạn tại đặc khu kinh tế Formosa Vũng Áng tháng 3/2015.

+ Tính đến hết năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng đạt 364.793 tỷ đồng năm 2020, gấp 6,6 lần so với năm 2010, vượt chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg. Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 25%/năm. Quy mô của quỹ dự phòng tăng nhanh nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết với khách hàng của DNBH, góp phần bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân có thể tự thu xếp, bảo vệ về mặt tài chính, và được bảo hiểm chi trả bồi thường khi không may xảy ra tai nạn, ốm đau, mà không cần tới sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước; bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, giúp cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh mà không cần sử dụng đến các giải pháp tín dụng và dự phòng tài chính khác.

***2.3. Về chỉ tiêu tổng nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các DNBH***

***- Chỉ tiêu:*** *Đến năm 2015, tổng nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các DNBH tăng gấp 1,7 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2010, tương đương 3 - 4% GDP.*

***- Kết quả thực hiện:*** Hoàn thành vượt mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể:

+ Tính đến hết năm 2015, tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH đạt 160.466 tỷ đồng, tăng gấp 2,02 lần so với năm 2010, tương đương 3,83% GDP, hoàn thành chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg, góp phần bổ sung nguồn vốn đầu tư dài hạn ổn định cho nền kinh tế. Trong đó, tổng số tiền đầu tư của các DNBH vào trái phiếu Chính phủ đạt gần 89.000 tỷ đồng với 82% trái phiếu Chính phủ có thời hạn trên 5 năm, góp phần thực hiện thành công các kế hoạch phát hành trái phiếu của Chính phủ, ổn định kinh tế vĩ mô.

+ Tính đến hết năm 2020, tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH đạt 468.563 tỷ đồng, tăng gấp 5,9 lần so với năm 2010, tương đương 7,45% GDP, vượt chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg. Trong đó, tổng số tiền đầu tư của các DNBH vào trái phiếu Chính phủ đạt gần 173.500 tỷ đồng, cổ phiếu đạt 46.211 tỷ đồng. Thị trường bảo hiểm đã trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, góp phần thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy tiết kiệm cho nền kinh tế.

***2.4. Về chỉ tiêu đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu:*** *Đến năm 2015, đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm tăng gấp 2 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm tăng gấp 4 lần so với năm 2010.*

***- Kết quả thực hiện:*** Chưa hoàn thành mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể:

+ Trong giai đoạn 2011-2015, thị trường bảo hiểm đã đóng góp vào ngân sách nhà nước 7.558 tỷ đồng, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đóng góp 3.215 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đóng góp 4.344 tỷ đồng. Đóng góp vào ngân sách nhà nước năm 2015 tăng gấp 1,85 lần so với năm 2010. Trong năm 2014 và 2015, do lãi suất ngân hàng và lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm làm lợi nhuận đầu tư của các DNBH giảm, đồng thời các DNBH nhân thọ phải trích lập dự phòng nghiệp vụ cao hơn. Ngoài ra, từ đầu năm 2014 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 3% (từ 25% xuống còn 22%) dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước của các DNBH giảm. Vì vậy, đóng góp vào ngân sách nhà nước của các DNBH năm 2015 chưa đạt mức tăng gấp 2 lần so với năm 2010 như chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg.

+ Năm 2020: Chưa đạt chỉ tiêu nêu tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể: Đóng góp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp bảo hiểm đạt khoảng 6.586 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2010. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm, làm giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp khiến số thuế nộp ngân sách nhà nước giảm.

***2.5. Về chỉ tiêu tuân thủ các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành***

***- Chỉ tiêu:*** *Đến năm 2015, tuân thủ hoàn toàn 50% các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành. Đến năm 2020, tuân thủ hoàn toàn các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.*

***- Kết quả thực hiện:***

+ Năm 2015: Hoàn thành mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/QĐ-TTg, cụ thể: năm 2015, Việt Nam tuân thủ hoàn toàn 13/26 các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế (đạt 50%) theo báo cáo tự đánh giá với Diễn đàn các nhà quản lý bảo hiểm Đông Nam Á (AIRM).

+ Năm 2020: Chưa đạt mức tuân thủ hoàn toàn tất cả nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành như chỉ tiêu đã nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg, cụ thể: Đến năm 2020, Việt Nam tuân thủ hoàn toàn 50% các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế.

Lý do: Việc tuân thủ hoàn toàn các nguyên tắc quản lý, giám sát của IAIS của Việt Nam là không thể thực hiện do mô hình cơ quan quản lý không độc lập, chưa áp dụng các yêu cầu về quản trị rủi ro, quản lý vốn trên cơ sở rủi ro, v.v.. Đánh giá chung so với các nước trong khu vực, mức đánh giá tuân thủ hoàn toàn 50%, 35% tuân thủ phần lớn, 15% tuân thủ một phần của Việt Nam là tương đối cao. Thực tế cũng không có quốc gia nào tuân thủ được 100% các nguyên tắc của IAIS do đây là chuẩn mực tuyệt đối dành cho thị trường phát triển trong khi điều kiện của mỗi thị trường là khác nhau. Trong thời gian tới, việc chuyển đổi mô hình quản lý, giám sát theo Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) sẽ tiệm cận các nguyên tắc, quản lý giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế.

*(Các chỉ tiêu phát triển của thị trường bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

**3. Các giải pháp đã thực hiện**

***3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm***

*3.1.1. Giai đoạn 2011-2015:*

***a) Yêu cầu:*** *Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm nhằm đơn giản hóa và giảm bớt thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình phát triển của thị trường bảo hiểm và các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm quốc tế; đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng cho các chủ thể tham gia thị trường và nghĩa vụ thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, tạo môi trường, nền tảng pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của thị trường. Trong giai đoạn này, 43 văn bản quy phạm pháp luật (10 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 29 Thông tư của Bộ Tài chính) đã được rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới tập trung vào các mục tiêu: tháo gỡ vướng mắc, giúp đỡ, hỗ trợ DNBH tăng trưởng hiệu quả; đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường quản trị doanh nghiệp; cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo an toàn tài chính và đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

***b) Yêu cầu:*** *Sửa đổi các quy định chồng chéo giữa hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật khác, đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật*.

***Kết quả thực hiện:***

Bộ Tài chính đã rà soát và kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội sửa đổi các quy định liên quan còn chưa thống nhất về cơ chế quản lý, giám sát, quy định chưa rõ ràng nhằm đảm bảo sự đồng bộ, quản lý giám sát nhất quán, hỗ trợ TTBH và đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm, bao gồm: bỏ Chương hợp đồng bảo hiểm (Bộ luật Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015); bổ sung tội danh gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015); bổ sung phí quản lý và giám sát hoạt động bảo hiểm (Luật phí, lệ phí năm 2015). Bộ Tài chính đã nghiên cứu để đề xuất Chính phủ xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong đó có các điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư (Nghị định được ban hành là Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016).

***c) Yêu cầu:*** *Nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung chính sách về thuế hiện hành nhằm hỗ trợ phát triển thị trường bảo hiểm, tập trung vào các chính sách khuyến khích sản phẩm bảo hiểm phục vụ mục tiêu kinh tế và an sinh xã hội như bảo hiểm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, bảo hiểm cho người nghèo.*

***Kết quả thực hiện:***

Nhằm khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội tham gia các sản phẩm bảo hiểm cần thiết, Bộ Tài chính đã kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội bổ sung nhiều dịch vụ bảo hiểm vào nhóm hàng hóa không phải chịu thuế tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 như: bảo hiểm sức khỏe, dịch vụ bảo hiểm liên quan đến con người, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tàu thuyền, trang thiết bị dụng cụ cần thiết phục vụ đánh bắt thủy sản, bảo hiểm ngư dân.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội có chính sách ưu đãi về thuế nhằm khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm hưu trí tự nguyện, từ đó có nguồn tài chính để tự đảm bảo cuộc sống khi về già, giảm nhẹ gánh nặng nhà nước dành cho an sinh xã hội.

*3.1.2. Giai đoạn 2016 - 2020:*

***a) Yêu cầu****:* *Sửa Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 một cách tổng thể cùng các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng hệ thống văn bản pháp luật mới sẽ có phạm vi điều chỉnh rộng hơn và đồng bộ hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong mối liên kết với các mảng thị trường dịch vụ tài chính*.

***b) Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2016-2020, các văn bản hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, với 24 văn bản quy phạm pháp luật (01 Luật, 08 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 12 Thông tư của Bộ Tài chính) đã được rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới. Qua đó, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để thị trường bảo hiểm ngày càng phát triển, thể hiện rõ vai trò vị trí trong nền kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thành công các giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Quyết định 193/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 23/5/2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1139/QĐ-BTC về việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển thị trường giai đoạn 2016-2020, theo đó đến năm 2020 trình Quốc hội đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm. Ngày 26/9/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1691/QĐ-BTC phê duyệt Kế hoạch tổng kết, đánh giá thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm. Năm 2019 và 2020, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, trình Quốc hội đưa Đề án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 với mục tiêu nhằm xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa XV thông qua vào kỳ họp thứ 3 tháng 6 năm 2022.

**3.2. Nâng cao tính an toàn, hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các DNBH**

*3.2.1. Giai đoạn 2011-2015:*

***a) Yêu cầu:*** *Tái cơ cấu các DNBH theo hướng kiện toàn mô hình tổ chức của các doanh nghiệp hoạt động yếu kém, không hiệu quả; từng bước nâng cao chất lượng công tác quản trị DNBH theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.*

***Kết quả thực hiện:***

Thực hiện Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 6/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm”, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm. Trên cơ đánh giá, phân loại doanh nghiệp, Bộ Tài chính có các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp. Hệ thống các tiêu chí định tính và định lượng để đánh giá doanh nghiệp là công cụ giúp cơ quan quản lý phát huy việc quản lý, giám sát thận trọng, hỗ trợ cơ quan quản lý phát hiện sớm các dấu hiệu cần tăng cường kiểm soát để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, phù hợp với từng doanh nghiệp bảo hiểm, đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động an toàn, hiệu quả.

Căn cứ báo cáo tài chính và kết quả tự đánh giá của doanh nghiệp bảo hiểm, tính đến hết năm 2015, toàn thị trường có 46/47 doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng yêu cầu về vốn điều lệ và biên khả năng thanh toán, chỉ còn 01 doanh nghiệp bảo hiểm là Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông không đảm bảo khả năng thanh toán. Cụ thể có: 12 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 17 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ thuộc nhóm 1; 17 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ thuộc nhóm 2; 01 DNBH phi nhân thọ thuộc nhóm 3; Không có DNBH nào thuộc nhóm 4.

Đối với Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông (VASS), Bộ Tài chính đã yêu cầu VASS lập phương án khôi phục khả năng thanh toán, củng cố tổ chức và hoạt động, tăng vốn điều lệ ngay khi phát hiện VASS gặp khó khăn về khả năng thanh toán.

***b) Yêu cầu:*** *Phối hợp với các cơ quan quản lý dịch vụ tài chính khác tạo lập công cụ đầu tư tài chính dài hạn cho các DNBH và quản lý, giám sát các DNBH trực thuộc các tập đoàn tài chính – ngân hàng.*

***Kết quả thực hiện:***

Về việc tạo lập công cụ đầu tư tài chính dài hạn, với đặc thù kinh doanh là bảo đảm năng lực tài chính, đáp ứng các cam kết dài hạn, lĩnh vực bảo hiểm luôn ưu tiên lựa chọn các tài sản tài chính có tính an toàn cao và thời hạn dài. Trong tổng số tiền 160.466 tỷ đồng đầu tư trở lại nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm, có gần 57% đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trong đó 82% trái phiếu Chính phủ được đầu tư là các trái phiếu Chính phủ có thời hạn trên 5 năm. Trong giai đoạn 2011 - 2015, các DNBH đã tham gia dự thầu và đấu thầu thành công 47,5% tổng lượng trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài hơn 10 năm do Kho bạc Nhà nước phát hành trong giai đoạn này. Đặc biệt, để hỗ trợ các doanh nghiệp thu hẹp khoảng cách giữa tài sản và trách nhiệm, đáp ứng được các cam kết dài hạn, trong năm 2015, lần đầu tiên Bộ Tài chính đã phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 20 năm và 30 năm dành riêng cho lĩnh vực bảo hiểm với khối lượng 10.130 tỷ đồng.

Về việc quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm trực thuộc tập đoàn tài chính - ngân hàng, trên cơ sở Quy chế phối hợp công tác và chia sẻ thông tin giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước được ký kết ngày 29/2/2012, Bộ Tài chính đã chủ động phối hợp có hiệu quả với Ngân hàng nhà nước trong việc chia sẻ thông tin để xây dựng cơ chế chính sách trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các thông tin về quản lý giám sát đối với các doanh nghiệp bảo hiểm trực thuộc các tập đoàn tài chính- ngân hàng. Đến nay, toàn thị trường có 6 doanh nghiệp bảo hiểm là các doanh nghiệp có các cổ đông lớn là các ngân hàng thương mại (ABIC, BIC, VBI, MIC, Bảo Long, OPES, MB Ageas). Các doanh nghiệp này đều hoạt động an toàn, hiệu quả, đáp ứng các quy định về vốn chủ sở hữu và biên khả năng thanh toán.

***c) Yêu cầu:*** *Xóa bỏ hiện tượng khép kín, chia cắt thị trường bảo hiểm; hoàn thiện các quy định đảm bảo sự công khai, minh bạch và bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm chuyên ngành và các doanh nghiệp bảo hiểm khác; giám sát và xử lý nghiêm các biểu hiện khép kín, độc quyền trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.*

***Kết quả thực hiện:***

Thực hiện mục tiêu đảm bảo sự công khai minh bạch và bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm giữa các doanh nghiệp bảo hiểm chuyên ngành và các doanh nghiệp bảo hiểm khác, thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 09/7/2012 của Chính phủ về chủ trương thoái vốn đầu tư không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của các Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục đẩy mạnh triển khai việc thoái vốn, giảm tỷ lệ vốn góp của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong các doanh nghiệp bảo hiểm chuyên ngành nhằm phòng ngừa biểu hiện khép kín, độc quyền trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Theo đó, một số Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong giai đoạn 2011-2015 đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại các doanh nghiệp bảo hiểm. Cụ thể, Tập đoàn Bảo Việt thoái vốn khỏi Bảo Long; Tập đoàn Than - khoáng sản đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn đầu tư (19,8%) tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội; Tổng công ty Hàng Không Việt Nam thoái vốn tại Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng không; Tập đoàn Điện lực đã thoái vốn (22,5%) tại Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu.

Đối với một số Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước khác, trong giai đoạn 2011-2015, bằng nhiều biện pháp như phát hành cổ phiếu, đa dạng hóa sở hữu, kêu gọi đầu tư, góp vốn từ nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tỷ lệ vốn nhà nước trong các doanh nghiệp bảo hiểm đã giảm đáng kể, như: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI): đã giảm phần vốn góp của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam từ 36,16% xuống còn 22,67% (nguyên nhân chủ yếu là do Công ty bảo hiểm Dongbu đã mua 37,32% cổ phần tại PTI); Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC): đã giảm phần vốn góp của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ 82,3% xuống còn 51% (do Công ty Faifax Asia Limited đã mua lại 35% cổ phần tại BIC). Ngày 8/10/2015, Chính phủ đã phê duyệt chủ trương thoái hết vốn nhà nước (hiện do Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- SCIC quản lý) tại 10 doanh nghiệp, trong đó có Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Minh (50%) và Công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (40,36%).

Hoạt động thoái vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước được thực hiện trên cơ sở thận trọng, không làm xáo trộn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

***d) Yêu cầu:*** *Đánh giá toàn diện, phân loại chất lượng nguồn nhân lực của thị trường bảo hiểm; làm rõ tiêu chuẩn, điều kiện của từng vị trí; ban hành các quy định nhằm chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường công tác đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn đặt ra.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, công tác đánh giá, phân loại chất lượng nguồn nhân lực của thị trường được chú trọng. Bộ Tài chính đã nghiên cứu ban hành các quy định cụ thể về tiêu chuẩn của một số vị trí chức danh trong doanh nghiệp bảo hiểm và tiêu chuẩn, yêu cầu về chất lượng, trình độ đối với nguồn nhân lực là cán bộ doanh nghiệp bảo hiểm và các trung gian bảo hiểm (đại lý và môi giới bảo hiểm). Các quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay đều phù hợp với các chuẩn mực về nguồn nhân lực của Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế.

Tính đến hết năm 2015, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 584.719 lao động (gồm có 22.946 cán bộ doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và 561.773 đại lý bảo hiểm). Hàng năm, Bộ Tài chính đều tổ chức các khóa đào tạo cho hàng nghìn lượt học viên, tổ chức thi và cấp chứng chỉ cho gần 200.000 đại lý bảo hiểm, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng đang đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế chuyên về bảo hiểm (ANZIIF, CII, LOMA, AITRI,…) nhằm xây dựng các khung chương trình, nội dung đào tạo chuẩn, từng bước đưa chứng chỉ đào tạo của Bộ Tài chính được chấp nhận trong khu vực và quốc tế, góp phần để nguồn nhân lực của thị trường bảo hiểm đáp ứng được yêu cầu hội nhập Cộng đồng chung Asean (AEC) và các Hiệp định thương mại (FTA, TPP,…) trong thời gian tới.

Về phía doanh nghiệp bảo hiểm, các doanh nghiệp đã tuân thủ các quy định pháp luật về tiêu chuẩn của người quản trị, điều hành, ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ, chuẩn hóa các khâu trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đã tổ chức các khóa tự đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tổ chức được hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại để ứng dụng vào hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.

*3.2.2. Giai đoạn 2016 - 2020*:

***a) Yêu cầu***: *Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực quản trị và hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm trên 3 yêu cầu chủ yếu: an toàn vốn, quản trị rủi ro và minh bạch hoá thông tin, bao gồm:*

*Ban hành các quy định chặt chẽ về vốn pháp định và các mức độ an toàn khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.*

*Ban hành các quy định về quản lý rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm các quy trình quản trị rủi ro, vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, hệ thống thông tin và báo cáo phục vụ công tác quản lý.*

*Ban hành quy định chặt chẽ về công khai và minh bạch hoá thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm tần suất công khai, các loại thông tin công khai, mức độ chi tiết hoá của thông tin công khai.*

***b) Kết quả thực hiện:***

Nhằm đảm bảo mức độ an toàn tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm, Bộ Tài chính đã tăng cường quản lý, giám sát và kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm: Đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn điều lệ đã góp và tương ứng với quy mô, phạm vi và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; duy trì khả năng thanh toán; thực hiện đầu tư theo nguyên tắc an toàn, thận trọng, thanh khoản và kiểm soát hạn mức đầu tư.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm đa dạng hóa công cụ đầu tư, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 hướng dẫn Nghị định số 135/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Nghị định số 73/2016/NĐ-CP có quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm. Trong giai đoạn này, Bộ Tài chính cũng đã cấp phép 02 DNBH đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Nhằm tăng cường quản trị rủi ro doanh nghiệp bảo hiểm theo thông lệ quốc tế, hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đã xây dựng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, từng bước chuẩn hoá các khâu trong hoạt động kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài đã tổ chức được hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành. Tính đến hết năm 2020, đã có 08 DNBH phi nhân thọ và DNTBH được A.M.Best xếp hạng. Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đã nghiên cứu, tính toán thử nghiệm để đưa vào áp dụng mô hình quản lý vốn chủ sở hữu phù hợp với quy mô và mức độ rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp, theo các chuẩn mực của Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS).

Các yêu cầu về công khai, minh bạch hóa thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm được quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017. Riêng các sản phẩm bảo hiểm có tính phức tạp như bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí tự nguyên, doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục thực hiện các yêu cầu công khai, minh bạch thông tin theo các Thông tư hướng dẫn triển khai sản phẩm tương ứng.

Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về công bố thông tin, đảm bảo đúng, đủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật. Theo đó, các doanh nghiệp bảo hiểm đều xây dựng trang thông tin điện tử và công khai quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm triển khai, giúp người tham gia bảo hiểm có thể tìm hiểu rõ các thông tin liên quan đến sản phẩm bảo hiểm. Hàng năm, các doanh nghiệp bảo hiểm đều thực hiện công khai trên trang điện tử của doanh nghiệp toàn bộ nội dung báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đồng thời công bố trên báo trung ương và báo địa phương trong 03 số báo liên tiếp báo cáo tài chính tóm tắt của doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, các doanh nghiệp bảo hiểm đều thực hiện công bố công khai các nội dung như: tên, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động; vốn điều lệ, số Giấy phép, các nghiệp vụ bảo hiểm được triển khai... sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cũng như khi có thay đổi về những nội dung này trong quá trình hoạt động theo quy định tại Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**3.3. Khuyến khích, hỗ trợ các DNBH phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm**

*3.3.1. Giai đoạn 2011-2015:*

***a) Yêu cầu:*** *Chuẩn hóa điều kiện và quy trình phê chuẩn sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư nhằm tăng tính hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm này so với các sản phẩm tài chính thay thế khác.*

***Kết quả thực hiện:***

Các sản phẩm bảo hiểm hiện hành tiếp tục được chuẩn hóa điều kiện, quy trình phê chuẩn, đăng ký sản phẩm; quy tắc, điều khoản và biểu phí bảo hiểm. Theo đó, các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ (bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư) phải được Bộ Tài chính phê chuẩn trước khi triển khai nhằm chuẩn hóa điều kiện và quy trình phê chuẩn, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm sử dụng quy tắc, điều khoản bảo hiểm mẫu do Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam xây dựng. Sản phẩm bảo hiểm vật chất xe cơ giới từng bước được chuẩn hóa quy tắc, điều khoản, biểu phí nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, đảm bảo an toàn tài chính và bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính được rút gọn, thời gian phê chuẩn sản phẩm giảm từ 30 ngày xuống còn 21 ngày đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong hoạt động kinh doanh.

***b) Yêu cầu:*** *Tổng kết đánh giá các chương trình thí điểm các loại hình bảo hiểm được Nhà nước hỗ trợ (bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu), trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tiếp theo cho phù hợp với thực tế.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã thực hiện thí điểm 02 chương trình bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo các mục tiêu an sinh xã hội và an ninh quốc gia. Kết thúc giai đoạn thí điểm, Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá.

*Một là, Chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp (BHNN):* Triển khai thực hiện Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 và Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 27/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013. Qua 3 năm thực hiện, việc triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã đạt được kết quả đáng kể: Tổng số hộ nông dân/tổ chức sản xuất tham gia thí điểm: 304.017; Tổng giá trị được bảo hiểm: 7.747,9 tỷ đồng; Tổng số phí bảo hiểm: 394 tỷ đồng; Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm: 712,9 tỷ đồng.

Kết quả trên đã khẳng định tính đúng đắn của chính sách, góp phần thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban chấp TW Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Kết thúc thời gian thí điểm, Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, ngày 13/8/2015 Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 121/TTr-BTC trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc tiếp tục thí điểm bảo hiểm nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp. Trên cơ sở đó, Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 22/6/2019 về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp. Đến nay, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện cấp đơn bảo hiểm tại Nghệ An, Thái Bình (đối với cây lúa); Hà Giang, Bình Định (đối với vật nuôi) với kết quả như sau: Tổng số hộ nông dân/tổ chức sản xuất tham gia bảo hiểm: 16.043 (13.555 hộ nghèo và hộ cận nghèo, 2.488 hộ thường); tổng giá trị được bảo hiểm: 142,85 tỷ đồng; tổng số phí bảo hiểm: 6,66 tỷ đồng (trong đó số phí bảo hiểm được NSNN hỗ trợ là 5,52 tỷ đồng); doanh nghiệp bảo hiểm đang hoàn thiện các thủ tục để giải quyết bồi thường tại Nghệ An, Hà Giang.

*Hai là, Chương trình thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu*: Với mục tiêu góp phần nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp về bảo hiểm với vai trò là một công cụ chuyển giao rủi ro, bảo vệ tài chính, chương trình thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu được thực hiện trong 3 năm 2011- 2013 nhằm đưa ra sản phẩm nghiệp vụ mới, góp phần bảo hiểm rủi ro trong thanh toán cho thương nhân xuất khẩu. Các DNBH đã cấp được tổng số 46 hợp đồng bảo hiểm với tổng kim ngạch xuất khẩu được bảo hiểm là 12.592 tỷ đồng, tổng phí bảo hiểm thu được là 17,23 tỷ đồng, tổng số tiền bồi thường là 13,33 tỷ đồng. Kết thúc chương trình thí điểm, Bộ Tài chính đã hướng dẫn các DNBH tham gia chương trình thí điểm thực hiện quyết toán theo quy định, khuyến khích DNBH chủ động phát triển sản phẩm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu như 1 sản phẩm tự nguyện, nhà nước sẽ có hỗ trợ kinh phí tuyên truyền khi DNBH có nhu cầu. Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu chỉ là sản phẩm bổ sung cho việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu, không thể thay thế cho phương thức thanh toán qua ngân hàng như thư tín dụng (L/C); ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi. Mặt khác, điều kiện, thủ tục theo luật pháp quốc tế về hình thức bảo hiểm này rất ngặt nghèo, vì vậy, sản phẩm này chưa thể phát triển ở Việt Nam trong tương lai gần.

***c) Yêu cầu:*** *Rà soát, sửa đổi bổ sung các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm (bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) cho phù hợp với điều kiện và thực tiễn phát triển kinh tế.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát cơ chế chính sách đối với các sản phẩm bảo hiểm bắt buộc để điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý, giám sát. Theo đó đã điều chỉnh giảm mức đóng góp vào quỹ bảo hiểm xe cơ giới từ 2% xuống 1% doanh thu phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (Thông tư 43/2014/TT-BTC), ban hành Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/2/2016 quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Theo đó, nâng mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (đối với thiệt hại về người từ 70 lên 100 triệu đồng, mức trách nhiệm đối với thiệt hại về tài sản từ 70 lên 100 triệu đồng đối với xe ô tô, từ 40 lên 50 triệu đối với xe mô tô) nhằm đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm.

Hoàn thiện chế độ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo hướng quy định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đóng góp cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy (Thông tư liên tịch 214/2013/TTLT-BTC-BCA). Ngày 13/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 119/2015/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai bảo hiểm đầu tư xây dựng, góp phần huy động nguồn lực từ TTBH để bảo vệ cho các công trình xây dựng trước các rủi ro, đảm bảo khôi phục tổn thất nhanh chóng, đầy đủ để hoạt động xây dựng được thông suốt, tạo sự yên tâm cho các chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, người lao động tham gia hoạt động đầu tư xây dựng.

***d) Yêu cầu:*** *Đa dạng hoá các sản phẩm bảo hiểm, phát triển các sản phẩm bảo hiểm mới, phục vụ ngày một tốt hơn nhu cầu của người tham gia bảo hiểm*.

***Kết quả thực hiện:***

Tổng số sản phẩm bảo hiểm trên thị trường hiện nay là 2.884 sản phẩm bảo hiểm (2.350 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 534 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ). Sản phẩm bảo hiểm được phát triển theo hướng ngày càng đa dạng và linh hoạt trên tất cả các loại nghiệp vụ. Các sản phẩm bảo hiểm mới như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe được triển khai, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Nhiều sản phẩm bảo hiểm mới được ra đời, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người tham gia bảo hiểm. Cụ thể như sau:

*Bảo hiểm bảo lãnh*: Ngày 9/7/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, theo đó bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh thuộc bảo hiểm phi nhân thọ. Các DNBH có cơ sở pháp lý rõ ràng khi triển khai, góp phần đa dạng hóa sự lựa chọn của khách hàng về các giải pháp đảm bảo an toàn tài chính. Ngày 26/8/2014, Bộ Tài chính đã cấp phép thành lập chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam là Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội.

*Bảo hiểm hưu trí*: Ngày 25/8/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 130/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 115/2013/TT-BTC ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện. Đến nay, có 06 DNBH nhân thọ được cấp phép triển khai bảo hiểm hưu trí. Tính đến hết năm 2015, doanh thu phí lũy kế đạt 474 tỷ đồng. Doanh thu phí năm 2015 chiếm 0,7% tổng doanh thu phí, trong đó doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới năm 2015 đạt 207 tỷ đồng chiếm 1,6% doanh thu phí khai thác mới.

*Bảo hiểm liên kết chung*: Bắt đầu được triển khai năm 2007, đến nay đã có 17/19 DNBH nhân thọ triển khai sản phẩm bảo hiểm này với doanh thu phí đạt 26.923 tỷ đồng và số lượng hợp đồng có hiệu lực đạt 5,8 triệu hợp đồng. Trong năm 2015, doanh thu phí bảo hiểm mới đạt 5.660 tỷ đồng (tăng 38,07% so với cùng kỳ năm 2014), số hợp đồng khai thác mới đạt 458.592 hợp đồng.

*Bảo hiểm liên kết đơn vị*: Ngày 15/8/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 135/2012/TT-BTC thay thế cho quyết định 102/2007/QĐ-BTC hướng dẫn triển khai bảo hiểm liên kết đơn vị. Hiện nay đã có 07 DNBH nhân thọ triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị là Manulife, Prudential, Dai-ichi, AIA, Generali, Sun Life, FWD. Tính đến hết năm 2015, doanh thu phí bảo hiểm đạt 249,72 tỷ đồng, số hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực là 12.280 hợp đồng. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới đạt 111,96 tỷ đồng.

*Bảo hiểm vi mô*: Thực hiện Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020 và ý kiến chỉ đạo của nguyên Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn triển khai thí điểm bảo hiểm vi mô đối với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Trung tâm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tài chính cộng đồng (CFRC) thuộc Hội Khuyến học Việt Nam. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với các tổ chức triển khai bảo hiểm vi mô làm việc với bên mua bảo hiểm và các tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô tại các địa phương nhằm cung cấp bảo hiểm vi mô tốt nhất cho người nghèo, người có thu nhập thấp tại mọi địa bàn. Tính đến cuối năm 2015, doanh thu phí bảo hiểm đạt 25,29 tỷ đồng, số hợp đồng có hiệu lực đạt hơn 83.205 hợp đồng.

*Bảo hiểm thủy sản*: Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện bảo hiểm thủy sản. Tính đến ngày 31/12/2015, trên địa bàn cả nước đã có 10.438 tàu cá tham gia bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ; 101.540 thuyền viên tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên với tổng số tiền bảo hiểm là 24.960 tỷ đồng, tổng số phí bảo hiểm là 258,7 tỷ đồng, tổng số tiền bồi thường là 26,1 tỷ đồng.

*3.3.2. Giai đoạn 2016-2020:*

***Yêu cầu****: Nghiên cứu ban hành các chế độ bảo hiểm bắt buộc mới phục vụ mục tiêu an sinh xã hội; chính sách hỗ trợ người có thu nhập thấp tham gia bảo hiểm; hỗ trợ phát triển các nhóm sản phẩm vì mục đích cộng đồng và an sinh xã hội; xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp dịch vụ giữa các doanh nghiệp bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm đặc thù (như bảo hiểm năng lượng nguyên tử).*

***Kết quả triển khai:***

Thực hiện Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020 và ý kiến chỉ đạo của nguyên Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, Bộ Tài chính đã có công văn hướng dẫn triển khai thí điểm bảo hiểm vi mô đối với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Trung tâm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tài chính cộng đồng (CFRC) thuộc Hội Khuyến học Việt Nam. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã phối hợp với các tổ chức triển khai bảo hiểm vi mô làm việc với bên mua bảo hiểm và các tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô tại các địa phương nhằm cung cấp bảo hiểm vi mô tốt nhất cho người nghèo, người có thu nhập thấp tại mọi địa bàn. Tính đến cuối năm 2018, doanh thu phí bảo hiểm đạt 24 tỷ đồng, số hợp đồng có hiệu lực đạt hơn 140.000 hợp đồng.

Năm 2018-2019, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ và Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc ban hành Nghị định quy định về bảo hiểm vi mô của các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng và sự thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã yêu cầu đánh giá và xem xét lại việc đối tượng cung cấp bảo hiểm vi mô. Hiện nay, Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đã bổ sung một chương về bảo hiểm vi mô, trong đó quy định về tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô, đặc điểm của bảo hiểm vi mô, điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Thực hiện Điều 9 Luật Xây dựng quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng đối với các công trình xây dựng có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, môi trường, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp. Chính phủ đã có quy định tại Nghị định số 119/2015/NĐ-CP quy định điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với loại hình bảo hiểm này. Trên cơ sở Luật Xây dựng 2014 và Nghị định số 119/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP, theo đó quy định cụ thể về điều kiện bảo hiểm, biểu phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với các loại hình bảo hiểm bắt buộc: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng; Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng; Bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường. Các quy định này đã tạo cơ sở pháp lý minh bạch, góp phần huy động nguồn lực từ thị trường bảo hiểm để bảo vệ các công trình xây dựng trước các rủi ro, đảm bảo khôi phục tổn thất nhanh chóng, đầy đủ để hoạt động xây dựng được thông suốt, đảm bảo tiến độ xây dựng và tạo sự yên tâm cho các chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn, người lao động tham gia hoạt động đầu tư xây dựng.

**3.4. Đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm**

*3.4.1. Giai đoạn 2011-2015*

***- Yêu cầu:*** *Đa dạng hoá các kênh phân phối bảo hiểm; củng cố hệ thống đại lý bảo hiểm thông qua kiểm soát chặt chẽ việc thi cấp chứng chỉ đào tạo; xây dựng và áp dụng các chương trình đào tạo và chứng chỉ đại lý theo tính phức tạp của loại hình sản phẩm mà đại lý được tư vấn cho khách hàng.*

***- Kết quả thực hiện:***

Mạng lưới hoạt động của thị trường bảo hiểm được mở rộng, tính đến 31/12/2015 tổng số chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, địa điểm giao dịch và các tổng đại lý của các doanh nghiệp bảo hiểm đạt khoảng 3.044 (trong đó, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ là 1.000, DNBH phi nhân thọ là 2.044) trên phạm vi cả nước nhằm tăng cường chất lượng phục vụ khách hàng từ khâu bán hàng, chăm sóc và thực hiện bồi thường. Hệ thống đại lý bảo hiểm với 561.773 người được đào tạo và từng bước đi vào hoạt động chuyên nghiệp hơn.

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 194/2014/TT-BTC, theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm được quyền chủ động trong hoạt động đào tạo đại lý bảo hiểm. Chất lượng của đại lý được kiểm soát thông qua hoạt động thi lấy chứng chỉ dưới hình thức trực tuyến tập trung nhằm giảm bớt thời gian, thủ tục phê chuẩn kết quả thi cho doanh nghiệp bảo hiểm và cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp, nghiêm túc trong công tác thi đại lý bảo hiểm. Ngoài ra, các quy định nhân viên của doanh nghiệp bảo hiểm trực tiếp giới thiệu, chào bán bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm tối thiểu phải có chứng chỉ đại lý bảo hiểm hoặc chứng chỉ đào tạo về các nghiệp vụ bảo hiểm đang triển khai, các đại lý bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm cấp thẻ đại lý (có dán ảnh, có mã số và tên đại lý bảo hiểm) và đại lý phải đeo thẻ khi thực hiện các nội dung hoạt động đại lý từ năm 2015 đã từng bước ngăn ngừa tình trạng đại lý mạo danh ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và uy tín của doanh nghiệp bảo hiểm.

Ngoài các kênh phân phối truyền thống, các doanh nghiệp bảo hiểm cũng đã từng bước triển khai các kênh phân phối mới như: qua ngân hàng, qua các đối tác kinh doanh (cây xăng, trung tâm thương mại, đại lý/garage ô tô, trung tâm đăng kiểm...), trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông (bán hàng trực tuyến, kênh tổng đài điện thoại...). Các kênh phân phối mới cũng đã bước đầu có đóng góp nhất định vào mở rộng thị trường, trong đó kênh bancassurance đóng góp vào khoảng 5% tổng doanh thu phí toàn thị trường nhân thọ. Bộ Tài chính đã phối hợp với Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư liên tịch số 86/2014/TTLT-BTC-NHNN ngày 2 tháng 7 năm 2014 hướng dẫn hoạt động phân phối bảo hiểm nhân thọ qua các tổ chức tín dụng để tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy việc phân phối và triển khai các sản phẩm bảo hiểm thông qua hệ thống ngân hàng.

*3.4.2. Giai đoạn 2016 - 2020:*

***- Yêu cầu:*** *Nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích phát triển các kênh phân phối khác phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam như kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng, internet...*

***- Kết quả thực hiện:***

Tính đến 31/12/2020 các DNBH đã có khoảng 1.000 chi nhánh, văn phòng đại diện trên phạm vi cả nước nhằm tăng cường chất lượng phục vụ khách hàng từ khâu bán hàng, chăm sóc và thực hiện bồi thường. Hệ thống đại lý bảo hiểm với 1.063.835 người được đào tạo và từng bước đi vào hoạt động chuyên nghiệp hơn (trong đó, đại lý bảo hiểm nhân thọ chiếm 83,9%, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ chiếm 16,1%). Bên cạnh kênh đại lý cá nhân, đại lý tổ chức cũng đã ngày càng gia tăng về số lượng và vai trò trong khai thác bảo hiểm. Đến hết năm 2020, thị trường bảo hiểm đã có 3.534 đại lý tổ chức với 386.053 cá nhân trực thuộc. Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng có sự tăng trưởng doanh thu rõ rệt, tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm khai thác mới đạt 20%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Đến hết năm 2020, tỷ trọng doanh thu khai thác mới qua ngân hàng đạt trên 30%. Các sản phẩm cung cấp qua kênh ngân hàng ngày càng đa dạng, ban đầu chủ yếu là sản phẩm bảo hiểm tử kỳ dư nợ tín dụng, đến nay đã có các sản phẩm như chăm sóc sức khỏe,

Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 đã quy định các doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được chủ động bán sản phẩm bảo hiểm dưới các hình thức trực tiếp, thông qua đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, thông qua đấu thầu, thông qua giao dịch điện tử và các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật. Năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2018/NĐ-CP quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính, bao gồm lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Các quy định pháp lý này đã tạo nền tảng cho việc các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nghiên cứu, xây dựng và phát triển các kênh phân phối dựa trên nền tảng công nghệ như phân phối bảo hiểm trực tuyến, chào bán bảo hiểm qua các trang điện tử của sàn giao dịch, kết hợp với ứng dụng ngân hàng tích hợp lựa chọn về mua bảo hiểm.

Một số ví dụ về việc ứng dụng công nghệ như Tổng công ty Bảo hiểm Bưu điện (PTI) hợp tác với CTCP INSO Việt Nam (một startup trong lĩnh vực công nghệ) ra mắt ứng dụng INSO cho phép người dùng tự mua bảo hiểm và yêu cầu bồi thường mọi lúc mọi nơi; INSO sử dụng nhiều công nghệ mới như công nghệ nhận dạng ký tự quang học OCR, công nghệ thị giác máy tính (computer vision) và công nghệ học sâu (Deep learning) để phân tích hình ảnh và đưa ra kết luận giám định chính xác từ lượng dữ liệu thu được từ khách hàng, qua đó đẩy nhanh tốc độ xử lý các hồ sơ bảo hiểm. Prudential sử dụng chatbox tư vấn bảo hiểm PRUbot và ứng dụng PRUonline; AIA sử dụng ứng dụng MyAIA với hợp đồng điện tử e-Policy, Bảo Việt sử dụng ứng dụng tích hợp quản lý bảo hiểm trên điện thoại (Baoviet Direct) và ứng dụng giám định bồi thường số (E-Claim), v.v..… Việc các doanh nghiệp bảo hiểm kết hợp với ngân hàng số (Ebanking) trong giao dịch đóng phí bảo hiểm trở nên phổ biến..

Trong giai đoạn 2018-2021, nhiều công ty tham gia vào lĩnh vực Insurtech tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, trong mảng web so sánh có sự gia nhập của TheBank, TopBank.vn, SmartBuddy, eBaohiem, Bihama, Go; mảng sản phẩm đột phá có Bolttech, Global Safe, PasarPolis, Inso, Ezin, Wicare, Miin; mảng đại lý bảo hiểm công nghệ có Qoala, Global Care, Eroscare, SaveMoney; hay nổi bật là Papaya, 9Lives tham gia vào mảng dịch vụ hỗ trợ…

Do trong giai đoạn đầu, doanh thu khai thác mới qua bán bảo hiểm qua internet còn hạn chế, khoảng 2%/năm, tốc độ tăng trưởng đạt trên 20%/năm. Tuy nhiên, được đánh giá là thị trường tiềm năng với tỉ lệ người dùng internet hiện tại đã xấp xỉ 70% dân số, bảo hiểm kỹ thuật số dự kiến sẽ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng ngày càng nhiều trong thời gian tới.

**3.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm**

*3.5.1. Giai đoạn 2011-2015*

***a) Yêu cầu:*** *Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã tiến hành 15 đoàn thanh tra toàn diện, 03 đoàn thanh tra chuyên đề, 48 đoàn kiểm tra toàn diện và 33 đoàn kiểm tra chuyên đề.

Các cuộc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo đúng kế hoạch, bám sát nội dung và theo đúng trình tự, thủ tục. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, chấn chỉnh và ngăn chặn kịp thời các vi phạm; đồng thời phát hiện những bất cập trong cơ chế chính sách để kiến nghị sửa đổi, bổ sung từ đó tạo môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện hơn, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp, giúp bảo vệ và tăng thêm quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm, duy trì thị trường ổn định, an toàn, hiệu quả.

Số tiền thu nộp Ngân sách Nhà nước: Qua thanh tra, Bộ Tài chính đã chấn chỉnh công tác quản lý công nợ, hạch toán kế toán; hạch toán điều chỉnh các khoản doanh thu, chi phí của các DNBH. Cụ thể, tính đến 30/10/2020, hạch toán điều chỉnh doanh thu, chi phí, hạch toán tăng thu nhập khi tính thuế TNDN với số tiền là 1.212 tỷ đồng; thực hiện kê khai nộp bổ sung số tiền thuế TNDN tăng thêm với tổng số tiền là 26,5 tỷ đồng (các doanh nghiệp đã thực hiện nộp 100% số tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước). Trong giai đoạn từ 2011-2020, số DNBH bị xử phạt vi phạm hành chính là 26 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt các doanh nghiệp nộp vào Ngân sách nhà nước là 2,86 tỷ đồng.

***b) Yêu cầu:*** *Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH phù hợp với các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm quốc tế và đặc điểm của thị trường bảo hiểm Việt Nam.*

***Kết quả thực hiện:***

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 195/2014/TT-BTC xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá, xếp loại DNBH. Hệ thống các tiêu chí định tính và định lượng để đánh giá doanh nghiệp là công cụ giúp cơ quan quản lý phát huy việc quản lý, giám sát thận trọng, hỗ trợ cơ quan quản lý phát hiện sớm các dấu hiệu cần tăng cường kiểm soát để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, phù hợp với từng DNBH, đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động an toàn, hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc tự đánh giá xếp loại theo hệ thống chỉ tiêu cũng giúp các doanh nghiệp nhận biết, tự hoàn thiện đối với chất lượng dịch vụ, rà soát hiệu quả quy trình chăm sóc khách hàng trước và sau bán hàng và kiểm soát rủi ro đối với doanh nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

***c) Yêu cầu:*** *Phát triển nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm, làm rõ chức năng nhiệm vụ của từng vị trí, trên cơ sở đó bố trí lực lượng cán bộ quản lý, giám sát tương ứng với số lượng doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Xây dựng cơ chế thu hút cán bộ, chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm thực tiễn làm việc trong cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt là các chuyên gia làm việc trong các lĩnh vực đặc thù như chuyên gia tính toán bảo hiểm.*

***Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2015, cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý giám sát về bảo hiểm đã được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Tính đến cuối năm 2015, số lượng cán bộ của cơ quan quản lý là 100 cán bộ, phần lớn là các cán bộ có trình độ đại học và trên đại học.

Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành bảo hiểm thuộc cơ quan quản lý, giám sát về bảo hiểm được thành lập theo đúng quy định tại Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các cán bộ thuộc cơ quan quản lý, giám sát về bảo hiểm được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành bảo hiểm, được hướng dẫn, cập nhật văn bản, chính sách chế độ cũng như tình hình thị trường, doanh nghiệp và cấp chứng chỉ đào tạo. Từ đó đã giúp cơ quan quản lý chủ động trong công tác thanh tra chuyên ngành bảo hiểm, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện sai phạm, góp phần lành mạnh hóa thị trường.

Công tác đào tạo thường xuyên nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước cũng được chú trọng với việc chọn cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham dự các khóa, chương trình đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ dài hạn cũng như ngắn hạn trong và ngoài nước thông qua các chương trình học bổng hỗ trợ chính thức của nước ngoài, của Chính phủ và thông qua các chương trình hợp tác song phương (FSA Nhật Bản, FSS Hàn Quốc) hoặc đa phương (IAIS, AIRM, AITRI).

*3.5.2. Giai đoạn 2016 - 2020*

***a) Yêu cầu:*** *Tăng cường phương thức quản lý, giám sát thông qua các chỉ tiêu về hoạt động của doanh nghiệp, xây dựng hệ thống phân tích tự động hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và cảnh báo sớm nguy cơ của doanh nghiệp bảo hiểm.*

***Kết quả thực hiện:***

Ngày 17/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 195/2014/TT-BTC hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm. Hệ thống các tiêu chí định tính và định lượng để đánh giá doanh nghiệp là công cụ giúp cơ quan quản lý phát huy việc quản lý, giám sát thận trọng, hỗ trợ cơ quan quản lý phát hiện sớm các dấu hiệu cần tăng cường kiểm soát để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, phù hợp với từng doanh nghiệp bảo hiểm, đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động an toàn, hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc tự đánh giá xếp loại theo hệ thống chỉ tiêu cũng giúp các doanh nghiệp nhận biết, tự hoàn thiện đối với chất lượng dịch vụ, rà soát hiệu quả quy trình chăm sóc khách hàng trước và sau bán hàng, kiểm soát rủi ro đối với doanh nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1826/QĐ-TTg, Thông tư số 195/2014/TT-BTC và căn cứ báo cáo tài chính của DNBH, trong số 52 doanh nghiệp bảo hiểm, chỉ có 1 doanh nghiệp bảo hiểm thuộc nhóm 3 là Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông (VASS). Bộ Tài chính đã có nhiều công văn yêu cầu VASS thực hiện các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán và thực hiện theo quy định pháp luật. Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo nghiệp vụ năm 2021, VASS đáp ứng quy định pháp luật về vốn chủ sở hữu, nhưng chưa đáp ứng quy định pháp luật về biên khả năng thanh toán.

Đối với việc xây dựng hệ thống phân tích tự động hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và cảnh báo sớm nguy cơ của doanh nghiệp bảo hiểm thì vẫn chưa hoàn thành do đây là công tác khá phức tạp cần có thời gian và chi phí để thực hiện. Ngày 21/10/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2268/QĐ-BTC về việc phê duyệt kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020, trong đó có Dự án *“Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm”* và ngày 19/02/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 218/QĐ-BTC về việc phê duyệt dự án Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Triển khai xây dựng Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm” là một cấu phần trong thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

***b) Yêu cầu:*** *Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, giám sát. Xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm với các doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, bao gồm cả các phần mềm quản lý, giám sát chuyên nghiệp và website của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê chung cho thị trường bảo hiểm, trong đó tập trung vào các sản phẩm bảo hiểm mang tính cộng đồng như bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới,...*

***Kết quả thực hiện:***

Cơ sở dữ liệu bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đã được đưa vào triển khai vận hành, đây là phần mềm đầu tiên được sử dụng thống nhất trong ngành bảo hiểm, đảm bảo công tác phối hợp, quản lý, giám sát giữa Bộ Tài chính, Hiệp hội bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm. Các thông tin liên quan đến bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới được đảm bảo công khai, minh bạch và giảm thiểu tối đa việc trục lợi bảo hiểm.

Bộ Tài chính đã xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến *“Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam”,* cho phép các doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép trực tuyến nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp bảo hiểm. Phần mềm dịch vụ công giúp tiết kiệm thời gian và chi phí của DNBH và cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Đồng thời, tăng cường sự minh bạch, công khai thông tin của cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường khả năng giám sát của các cơ quan cấp trên.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã tổ chức triển khai thí điểm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 16 doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam, thời gian từ 01/11/2019 đến 31/3/2020, cho phép các doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép trực tuyến nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp bảo hiểm. Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm.

Bên cạnh đó, trang điện tử của Bộ Tài chính đã mở thêm cửa sổ dành cho Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Viện phát triển bảo hiểm Việt Nam. Tại các thông tin này, cập nhật thông tin chung về thị trường bảo hiểm, thông tin quản lý, giám sát và các vấn đề thị trường quan tâm.

**3.6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm**

***a) Yêu cầu:*** *Xây dựng lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, trên cơ sở đó xác định mục tiêu, nguyên tắc định hướng và giải pháp hội nhập WTO, ASEAN và các Hiệp định thương mại song phương.*

***Kết quả thực hiện:***

Hội nhập kinh tế (WTO, CPTPP) đã tạo điều kiện hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế về giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành. Cơ quan quản lý bảo hiểm tích cực chủ động tham gia và đàm phán các Hiệp định đa phương, song phương với các đối tác kinh tế quan trọng, mở cửa thị trường bảo hiểm theo các cam kết quốc tế và phù hợp với lợi ích quốc gia: ASEAN; ASEAN + (ASEAN - Nhật Bản; ASEAN- Ấn Độ); WTO; CPTPP; Việt Nam - Hàn Quốc; Việt Nam - EU; Việt Nam - Hoa Kỳ; Việt Nam – Singapore, v.v…. Theo đánh giá về mức độ mở cửa thị trường của các nước ASEAN, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của Việt Nam được đánh giá là mở cửa ở mức cao, tương tự như Singapore.

Hiện nay, lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đến năm 2025 được thực hiện theo Lộ trình hội nhập tài chính của các nước ASEAN. Theo đó, định hướng chung của Việt Nam tại các cam kết quốc tế là tiép tục thực thi đầy đủ các cam kết đã ký và tiếp cận việc mở cửa thị trường theo hướng thận trọng.

Việc mở cửa thị trường bảo hiểm giúp các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, chuyên nghiệp hóa kênh phân phối, nâng cao năng lực canh tranh, tiếp cận công nghệ hiện đại, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Đến hết năm 2020, thị trường bảo hiểm có 45/71 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp có chủ đầu tư là doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu thế giới. Quy định pháp luật Việt Nam không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với lợi thế về nguồn tài chính hỗ trợ từ công ty mẹ, chuyên gia và kinh nghiệm kinh doanh tại các thị trường phát triển, doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là các doanh nghiệp tiên phong trong việc đưa ra các sáng kiến mới về sản phẩm, kênh phân phối, quản trị điều hành như sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, sản phẩm có tích hợp về lối sống lành mạnh (vitality insurance product), v.v…

***b) Yêu cầu:*** *Chủ động, tích cực tham gia Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; xây dựng cơ chế chính sách và chuẩn bị cơ sở vật chất nhằm thực hiện toàn bộ các chuẩn mực quản lý, giám sát mà Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế đề ra, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác song phương giữa các cơ quan quản lý bảo hiểm thông qua chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ, đào tạo cán bộ, hội thảo nghiệp vụ.*

***Kết quả thực hiện:***

Hàng năm Cơ quan quản lý bảo hiểm đều tham dự Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á (AIRM), Hội nghị thường niên Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS), qua đó, chia sẻ và tham vấn các chính sách về quản trị doanh nghiệp, hệ thống cảnh báo sớm. Hợp tác song phương với các tổ chức, đối tác quốc tế được đẩy mạnh đã và đang hỗ trợ cơ quan quản lý, giám sát xây dựng chính sách về bảo hiểm thiên tai (WB, ADB), bảo hiểm năng lượng nguyên tử (Pool bảo hiểm năng lượng nguyên tử Nhật Bản), phát triển hệ thống công nghệ thông tin (WB), đào tạo tăng cường năng lực (FSS Hàn Quốc, FSA Nhật Bản, KIDI Hàn Quốc, Bộ Tài chính Lào, Bộ Tài chính Myanmar...).

Trong giai đoạn 2015-2020, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm -Bộ Tài chính đã tiến hành trao đổi Thư hợp tác với Cơ quan quản lý bảo hiểm Đài Loan, Viện phát triển bảo hiểm Hàn Quốc, Tổ chức định giá bảo hiểm phi nhân thọ Nhật Bản; làm việc với Bộ Tài chính Ai Cập về việc ký kết Biên bản ghi nhớ, hợp tác.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị định thư số 5 về Chương trình bảo hiểm bắt buộc xe cơ giới ASEAN (Nghị định thư số 5) thông qua các hoạt động ký kết Bản ghi nhớ (MOU) của 4 cơ quan quản lý bảo hiểm và 4 cơ quan quốc gia thực hiện Nghị định thư số 5 của 4 quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan; MOU song phương với cơ quan quốc gia Campuchia và Lào năm 2019; chỉ đạo DNBH xây dựng cổng kết nối của Việt Nam với Hệ thống cơ sở dữ liệu ASEAN về cấp đơn và quản lý hợp đồng bảo hiểm theo Nghị định thư số 5 (ACMI).

***c) Yêu cầu:*** *Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục nghiên cứu đầu tư ra các thị trường bảo hiểm nước ngoài để mở rộng cơ hội kinh doanh, trong đó tập trung vào các địa bàn có tiềm năng và thuận lợi trên nguyên tắc hiệu quả.*

***Kết quả thực hiện:***

Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 cho phép doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện đầu tư ra nước ngoài đối với phần vốn chủ sở hữu vượt quá quy định dưới các hình thức (i) thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài, thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài; (ii) các khoản đầu tư ra nước ngoài khác theo quy định pháp luật. Quy định này đã tăng tính chủ động cho doanh nghiệp bảo hiểm trong việc khai thác tối đa hiệu quả tiền vốn đầu tư, tăng cơ hội đầu tư và mở rộng phạm vi hoạt động đối với các doanh nghiệp có năng lực. Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, trong đó bao gồm các loại công cụ đầu tư gián tiếp, phương thức đầu tư gián tiếp và thủ tục thực hiện.

Hiện nay, trên thị trường bảo hiểm có 04 doanh nghiệp bảo hiểm có hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cụ thể: (i) Năm 2008, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam góp vốn thành lập Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI) tại Lào với số vốn góp 1.530.000 USD, trong đó BIC sở hữu 51% vốn điều lệ. Năm 2013, BIC đã tăng vốn đầu tư vào LVI với số vốn tăng thêm là 420.000 USD, nâng tỷ lệ sở hữu lên 65%. (ii) Năm 2010, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện góp vốn thành lập công ty Lane Xang (LAP) tại Lào với số vốn góp 20.152 triệu đồng Việt Nam. (iii) Năm 2016 BSH góp vốn thành lập công ty TNHH bảo hiểm tại Lào với số tiền 36.424 triệu đồng (iv) Năm 2019, Phú Hưng Life thành lập công ty con là Công ty Fortune Life Insurance PLC tại Campuchia với số tiền là 140.000 tỷ đồng. Về việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, vẫn chưa có doanh nghiệp bảo hiểm nào thực hiện tính đến hết năm 2020.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những kết quả đạt được**

Sau 10 năm tiến hành đồng bộ các giải pháp theo Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thị trường Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể:

- Khung khổ pháp lý về kinh doanh bảo hiểm dần được hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa và giảm bớt thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý đồng bộ, công khai, minh bạch và bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động trên thị trường, phù hợp với các chuẩn mực và cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Công tác quản lý, giám sát nhà nước về kinh doanh bảo hiểm được đẩy mạnh theo hướng kết hợp giữa quản lý, giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ, tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Cơ quan quản lý đã được kiện toàn về mô hình tổ chức và tăng cường về chức năng nhiệm vụ, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, hỗ trợ thị trường phát triển an toàn, ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm và của các doanh nghiệp bảo hiểm.

- Các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động an toàn, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện. Năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường đáng kể sau 10 năm, quy mô của thị trường tăng gấp 6 lần.

- Các sản phẩm bảo hiểm và chất lượng dịch vụ được phát triển, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tham gia bảo hiểm. TTBH đã có hầu hết các sản phẩm bảo hiểm phổ biến trên thế giới.

- Thị trường bảo hiểm đạt mức tăng trưởng cao và ổn định với mức tăng trưởng bình quân 20%/năm, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Thị trường bảo hiểm ngày càng thể hiện được vai trò, vị trí đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát tiển ngành tài chính và kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020.

- Bảo hiểm trở thành công cụ hữu ích bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cho đến nay, bảo hiểm đã và đang bảo vệ cho hầu hết tất cả các loại hình tài sản của mọi thành phần và ngành nghề kinh tế với nhiều loại hình bảo hiểm đa dạng.

- Bảo hiểm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bổ sung vốn đầu tư mỗi năm cho nền kinh tế, bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho triệu lao động và hàng chục triệu người dân tham gia bảo hiểm.

- Bảo hiểm góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ: bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm thủy sản,... góp phần vào việc thực hiện chính sách Tam nông của Đảng và Nhà nước.

- TTBH phát triển đã thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế. Trong các hiệp định tự do hoá thương mại song phương và đa phương, lĩnh vực bảo hiểm luôn cam kết với lộ trình và mức độ mở cửa thị trường cao, tạo điều kiện thúc đẩy hàng hoá Việt Nam thâm nhập vào các thị trường lớn có mức độ bảo hộ cao như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...

**2. Tồn tại, hạn chế**

***a) Tồn tại chung của cả thị trường***

Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên thị trường cũng bộc lộ một số tồn tại và cơ chế chính sách cũng có những bất cập chưa theo kịp với thực tế, cụ thể như sau:

*Một là*, quy mô của thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn còn nhỏ so với tiềm năng trong khi nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang đòi hỏi ngày càng cao. Tính đến hết năm 2020, tổng doanh thu của TTBH mới chiếm khoảng 3,55% GDP, nằm ở mức trung bình thấp của các nước trong khu vực (3-5%) và thế giới (6-7%).

*Hai là*, hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm chưa bắt kịp với sự phát triển nhanh của thị trường tài chính trong nước và quốc tế, cụ thể:

- Về thành lập doanh nghiệp bảo hiểm: Quy định pháp luật hiện đang giới hạn các nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường bảo hiểm phải là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Trong khi đó, sau hơn 10 năm phát triển, nhiều doanh nghiệp bảo hiểm nhiều nước trên thế giới đã được nâng cấp, tái cơ cấu thành các tập đoàn tài chính- bảo hiểm.

*-* Về quản trị hoạt động và quản lý tài chính: Quy định hiện hành còn thiếu các quy định về quản trị theo cơ sở rủi ro nhằm nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp trong việc kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro từ tài chính, hoạt động kinh doanh và điều hành hoạt động. Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành còn thiếu một số nguyên tắc chung trong bảo hiểm, tạo thói quen áp dụng đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng; chưa có các chính sách ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm mở rộng kinh doanh vào các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm cho người có thu nhập thấp, sản phẩm bảo hiểm y tế.

- Xu thế ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tài chính ngày càng mạnh mẽ, tạo nên những cơ hội, thách thức đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin vào kinh doanh bảo hiểm, vị trí pháp lý của các tổ chức kết hợp với doanh nghiệp bảo hiểm trong ứng dụng công nghệ để cung cấp bảo hiểm và các quy định về bảo vệ quyền lợi khách hàng tương ứng. Các doanh nghiệp bảo hiểm mới bắt đầu thực hiện nghiên cứu và áp dụng bước đầu việc phân phối bảo hiểm qua internet.

*Ba là*, về năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp bảo hiểm đã phát triển hơn về quy mô, phạm vi hoạt động song một số doanh nghiệp bảo hiểm có tổ chức chưa hiệu quả, việc quản lý, giám sát chưa theo kịp với mức độ phát triển, chưa có sự đầu tư đúng mức đối với hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm nhận diện kịp thời các rủi ro cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống công nghệ thông tin. Số lượng các DNBH và DNTBH thực hiện đánh giá xếp hạng tín nhiệm còn thấp (mới chỉ có 8/52 DNBH và DNTBH).

*Bốn là,* chất lượng nguồn nhân lực tăng về số lượng nhưng chưa vững mạnh về chất lượng. Chất lượng, năng lực, kỹ năng làm việc giữa các nhân lực làm cùng một công việc tại các doanh nghiệp bảo hiểm là khác nhau. Năng lực cán bộ trong cùng một doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bảo hiểm cũng chưa có tiêu chuẩn đánh giá cụ thể, chưa có thước đo chung. Công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo chưa có chất lượng đồng đều về chương trình đào tạo, nội dung thi, loại chứng chỉ. Mặc dù pháp luật yêu cầu một số vị trí chức danh cần có chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo hợp pháp trong và ngoài nước cấp, nhưng ngoài chương trình và công tác tổ chức thi đại lý bảo hiểm được quy định cụ thể, các chức danh khác chưa có quy định cụ thể các nội dung tương ứng.

*Năm là*, số lượng sản phẩm triển khai tăng cao trong thời gian qua nhưng còn thiếu các sản phẩm được thiết kế mang tính cá nhân hóa theo yêu cầu của khách hàng bảo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm xanh. Các sản phẩm bảo hiểm dành cho người thu nhập thấp hoặc khu vực nông thôn, các sản phẩm thúc đẩy an sinh xã hội như bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm nông nghiệp còn được triển khai chưa rộng rãi.

Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tập trung khai thác sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có cam kết lãi suất đầu tư dài hạn do có lợi thế về trích lập dự phòng nghiệp vụ, tính linh hoạt của sản phẩm. Trước bối cảnh liên tục giảm lãi suất trái phiếu Chính phủ, lãi suất tiền gửi ngân hàng trong các năm gần đây, nếu không có các giải pháp đầu tư, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thể gặp rủi ro về đáp ứng lãi suất cam kết do cũng như rủi ro về danh tiếng kèm theo.

*Sáu là*, chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối cần được tăng cường hơn nữa để đảm đương tốt vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người tham gia bảo hiểm. Các kênh phân phối mới mặc dù tốc độ tăng trưởng cao nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu phí và có những kênh phân phối mới như qua mạng hoặc tích hợp các tổ chức tài chính (công ty tài chính, ví điện tử, sàn giao dịch điện tử) chưa có quy định cụ thể, vị trí pháp lý của các tổ chức này chưa được xác định rõ ràng. Các kênh phân phối mới vẫn chưa phát huy hết được tiềm năng phát triển.

Trong giai đoạn 2016-2020, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đã tăng cường phát triển phân phối bảo hiểm qua ngân hàng, tích hợp sản phẩm bảo hiểm với sản phẩm tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, cũng tạo ra sự cạnh tranh trong việc lựa chọn đối tác phân phối, phần nào tạo nên phân bổ chi phí chưa hợp lý trong kinh doanh bảo hiểm.

*Bảy là*, phương thức quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm của cơ quan quản lý chủ yếu vẫn là quản lý, giám sát tính tuân thủ các quy định pháp luật, chưa có các cơ chế quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro tương ứng nhằm chủ động phát hiện, kiểm soát nguy cơ rủi ro của các doanh nghiệp bảo hiểm và thị trường bảo hiểm. Phương thức quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro hiện là xu thế chuyển đổi của các nước và đây cũng là khuyến nghị của IAIS. Cơ quan quản lý về kinh doanh bảo hiểm trực thuộc Bộ Tài chính, mặc dù đã liên tục được hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ và độc lập một phần về tài chính song vẫn chưa phải là một cơ quan quản lý độc lập theo khuyến cáo của Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm (IAIS), hệ thống công nghệ thông tin quản lý còn hạn chế và thiếu chuyên gia tính toán tại cơ quan quản lý.

*Tám là,* hiện chưa có cơ sở dữ liệu chung toàn ngành nên chưa đủ cơ sở xây dựng phí bảo hiểm thuần, giám sát mức độ đầy đủ về phí bảo hiểm và giảm thiểu trục lợi bảo hiểm. Hiện nay, ngoài hệ thống danh sách đại lý bảo hiểm vi phạm, cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xe cơ giới do Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam quản lý, thị trường bảo hiểm cần có hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, trong đó có các số liệu thống kê theo năm về tỷ lệ rủi ro theo nghiệp vụ hoặc theo loại rủi ro của doanh nghiệp, các dữ liệu kinh tế chung làm cơ sở cho hoạch định chính sách, đánh giá thị trường của cơ quan quản lý và việc xây dựng, thiết kế sản phẩm bảo hiểm hoặc kế hoạch tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Việc có một cơ sở dữ liệu chung có vai trò quan trọng trong việc chuẩn hóa công tác thiết kế sản phẩm bảo hiểm, quản trị rủi ro thị trường, tăng cường tính minh bạch và chủ động của các bên tham gia thị trường.

*Chín là*, nhận thức và ý thức về bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, người tham gia bảo hiểm còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm chưa rõ ràng và hiệu quả ở cả cơ quan quản lý bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm và Hiệp hội bảo hiểm.

*Mười là*, Hiệp hội bảo hiểm đã thể hiện rõ là đại diện cho doanh nghiệp bảo hiểm, đóng vai trò quan trọng trong kết nối giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian qua còn có nhiều mảng Hiệp hội bảo hiểm chưa phát huy hết được các vai trò tương tự như các Hiệp hội bảo hiểm khác trên thế giới như nâng cao tính chuyên nghiệp của thị trường bảo hiểm thông qua việc đưa các chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức hành nghề, đầu mối hòa giải các tranh chấp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và người tham gia bảo hiểm, tuyên truyền về bảo hiểm.

**3. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại**

*Một là*, thị trường bảo hiểm Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới là một thị trường mới, phát triển được hơn 20 năm, phụ thuộc vào mức độ phát triển của nền kinh tế xã hội, chính sách của Nhà nước và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, các doanh nghiệp bảo hiểm đang tập trung vào các khách hàng có thu nhập trung bình trở lên tập trung ở các thành phố lớn, chưa mở rộng nhiều sang các đối tượng khách hàng có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, người dân chưa có thói quen tiêu dùng bảo hiểm cũng như coi đây là một sản phẩm thiết yếu trong kế hoạch tài chính gia đình.

*Hai là*, hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm mặc dù được xây dựng tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn chưa có các chính sách ưu đãi để khuyến khích DNBH mở rộng kinh doanh tại các vùng sâu, vùng xa hoặc đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội hoặc đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm cho người có thu nhập thấp, sản phẩm bảo hiểm y tế; chưa có các chính sách về tái bảo hiểm phù hợp để tận dụng tối đa năng lực giữ lại của thị trường trong nước nhưng vẫn đảm bảo được hiệu quả hoạt động và an toàn tài chính doanh nghiệp.

*Ba là*, về năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp bảo hiểm, một số doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là một số doanh nghiệp trong nước chưa có ý thức tuân thủ; chưa chủ động trong việc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro; thiếu công cụ để đánh giá và chưa chủ động quản lý, giám sát và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn tài chính. Ngoài ra, do hiệu quả hoạt động thấp nên có một số DNBH phi nhân thọ trong nước chưa tập trung và chủ động đầu tư về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Về quản lý tài chính, hầu hết các DNBH phi nhân thọ trong nước hiện nay vẫn áp dụng mô hình quản lý phi tập trung, phân cấp nhiều cho các chi nhánh, văn phòng đại diện tại các địa phương khác nhau trên toàn quốc, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các DNBH. Các DNBH phi nhân thọ chưa chú trọng vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn.

*Bốn là,* chất lượng nguồn nhân lực: chính sách, pháp luật về hoạt động chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực chưa gắn với hệ thống Khung tiêu chuẩn năng lực chuyên môn bảo hiểm và khung chứng chỉ chuyên môn và yêu cầu về nội dung đối với công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ đối với cán bộ của ngành bảo hiểm tại Việt Nam. Hiện chưa có được khung tiêu chuẩn năng lực cho toàn thị trường bảo hiểm để các doanh nghiệp có căn cứ tham chiếu thực hiện hướng tới một thị trường bảo hiểm có đội ngũ nhân lực đồng đều và giỏi về năng lực chuyên môn bảo hiểm.

*Năm là,* về sản phẩm bảo hiểm: nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược phát triển sản phẩm bảo hiểm rõ ràng nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong dài hạn và bắt kịp với xu thế ứng dụng công nghệ thông tin và xu thế phát triển kinh tế xanh trong tương lai. Việc phát triển các sản phẩm có tính cá nhân hóa theo yêu cầu khách hàng thường đòi hỏi cao về ứng dụng công nghệ thông tin và linh hoạt trong thiết kế. Vì vậy cũng cần doanh nghiệp phải có năng lực về quản trị, hệ thống và tiềm lực tài chính.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bảo hiểm hiện đang chỉ tập trung khai thác đối tượng khách hàng tại thành thị do có nguồn tài chính cao, ổn định và đem lại lợi nhuận cao hơn so với các khu vực khác; tập trung phát triển các sản phẩm có hoa hồng cao, đem lại lợi nhuận sớm. Đối với các sản phẩm góp phần tăng cường an sinh xã hội, Nhà nước chưa có chính sách cụ thể để thúc đẩy phát triển hoặc chưa có các biện pháp bổ sung như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm hưu trí tự nguyện.

*Sáu là*, chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối: hiện chưa có các chuẩn mực đạo đức hành nghề đối với đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm. Các doanh nghiệp bảo hiểm chưa chú trọng đúng mức trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của kênh phân phối mà tập trung nhiều hơn vào việc mở rộng mạng lưới. Còn thiếu quy định pháp luật điều chỉnh đối với kênh phân phối mới cũng chưa có nhiều biện pháp chấn chỉnh đối với doanh nghiệp bảo hiểm vi phạm trong quản lý, sử dụng kênh phân phối bảo hiểm.

*Bảy là*, phương thức quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm, việc chuyển đổi phương thức quản lý giám sát thị trường bảo hiểm cần thời gian, lộ trình và phù hợp với mức độ phát triển của thị trường bảo hiểm. Trong giai đoạn đầu, với quy mô còn nhỏ, thị trường còn đơn sơ, các doanh nghiệp mới, việc quản lý, giám sát tuân thủ là phù hợp, thuận lợi cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp khi thực hiện. Đây cũng là cách mà các nước phát triển đã áp dụng trước đây. Khi thị trường phát triển hơn với nhiều rủi ro đan xen tác động hơn hơn, cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp đều đã có kinh nghiệm hoạt động thì việc chuyển đổi sang phương thức quản lý mới, giám sát trên cơ sở rủi ro là cần thiết.

*Tám là,* chưa có chuẩn mực chung về hệ thống công nghệ thông tin, số liệu thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quản lý, giám sát chưa đồng bộ để có những phân tích, dự báo chính xác về hoạt động của từng doanh nghiệp và của thị trường. Hạ tầng công nghệ thông tin trong ngành bảo hiểm vẫn chưa theo kịp với tốc độ phát triển và nhu cầu của thị trường như rủi ro an ninh mạng, bất đối xứng thông tin. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành chưa thực hiện được do chưa có cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện với kế hoạch thực hiện và ngân sách phù hợp để thực hiện.

*Chín là*, nhận thức và ý thức về bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, người tham gia bảo hiểm còn hạn chế do công tác tuyên truyền chưa được thực hiện đồng bộ, tổng thể của toàn ngành. Việc tuyên truyền, phổ biến chủ yếu do doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thực hiện và thông qua các chiến dịch marketing sản phẩm, thương hiệu, hoạt động tài trợ, từ thiện. Cơ quan quản lý thực hiện tuyên truyền pháp luật khi có văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc chính sách bảo hiểm mới.

*Mười là*, Hiệp hội bảo hiểm chưa có chiến lược hoạt động nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của ngành và phát huy vai trò định hướng các doanh nghiệp bảo hiểm, chưa tập trung nguồn lực để thực hiện.

**Phần thứ ba**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM GIAI ĐẾN NĂM 2030**

**I. BỐI CẢNH**

**1. Bối cảnh quốc tế**

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện yêu cầu đối với các nền kinh tế. Sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nước ngày càng phổ biến. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu và có tác động sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức. Do đó, con người và tri thức ngày càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Kinh tế thế giới chịu tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp. Quá trình quốc tế hoá sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng.

Hoà bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân tuý, bảo hộ có xu hướng tăng lên; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường.

Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới. Cuộc xung đột Nga- Ukraine và các biện pháp trừng phạt kinh tế làm giảm nguồn cung năng lượng và thực phẩm; làm gia tăng giá cả và nghèo đói, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới sau dịch COVID-19. Có nhiều yếu tố đang và sẽ có ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế thế giới như:

- Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới.

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hoá, xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xu thế đô thị hoá và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng. Cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành các trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững. Sự mất cân đối về thương mại ngày càng nghiêm trọng làm tăng khả năng nhiều quốc gia chuyển đổi sang thực hiện chính sách bảo hộ thương mại.

- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên.

Sự thay đổi của kinh tế thế giới đang có những tác động tới sự phát triển của thị trường tài chính toàn cầu, tạo ra nhiều cơ hội đầu tư, phát triển sản phẩm bảo hiểm mới nhưng đồng thời cũng tạo nhiều thách thức, rủi ro, cụ thể như sau:

- Hệ thống tài chính toàn cầu sau khủng hoảng đã được củng cố với việc ban hành quy định pháp lý chặt chẽ và tăng cường khả năng giám sát của các cơ quan quản lý trên quy mô toàn cầu. Tuy nhiên, mức độ được bảo vệ được nâng cao đã làm thay đổi khẩu vị đầu tư của các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư có xu hướng đầu tư vào các sản phẩm có độ rủi ro cao hơn thời kỳ trước khủng hoảng. Đây cũng đang là một rủi ro làm mất ổn định của hệ thống tài chính toàn cầu;

- Việc áp dụng các công nghệ tài chính mới đang là một xu thế lớn trên thế giới và đang có những tác động mạnh mẽ đến thị trường tài chính nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng. Các công nghệ tài chính mới như công nghệ chuỗi khối (block-chain), công nghệ dữ liệu lớn (big-data), điện toán nhận thức (cognitive computing), trí tuệ nhân tạo (AI) …được dự báo sẽ có ảnh hưởng mang tính nền tảng đối với TTBH.

Các công nghệ tài chính mới có tác động làm tăng hiệu quả thông qua việc giảm thời gian giao dịch và thanh toán, đảm bảo sự toàn vẹn của dữ liệu giao dịch, giảm chi phí cho các nhà đầu tư khi tiếp cận các dịch vụ, tăng cường khả năng huy động vốn và phân bổ vốn thông qua việc kết nối trực tiếp giữa doanh nghiệp với khách hàng. Tuy nhiên, hầu hết các công nghệ mới đang trong quá trình phát triển. Những tác động tiêu cực của các công nghệ này đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm chưa được nhận thức và đánh giá đầy đủ. Do vậy, đặt ra nhiều thách thức trong việc kiểm soát, duy trì sự ổn định của thị trường và đặc biệt là đối với vấn đề bảo vệ bên mua bảo hiểm và nhà đầu tư.

**2. Bối cảnh trong nước**

Việt Nam đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng khoảng tài chính- kinh tế khu vực và toàn cầu, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng trong thời gian qua. Đến nay, Việt Nam đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình, chuyển vị trí từ nhóm nước nghèo nhất sang nhóm nước có mức thu nhập trung bình thấp.

Trong giai đoạn 2011-2020 (đặc biệt là từ sau năm 2013), kinh tế Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các nước khu vực ASEAN. Các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục được cải thiện, cán cân thanh toán, cán cân thương mại liên tục đạt thặng dư kể từ 2015, thâm hụt ngân sách có dấu hiệu giảm, tỷ giá ổn định, lạm phát được duy trì ở mức thấp hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Với những thành tựu của Chính phủ trong việc cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, chỉ số mức độ thuận lợi trong kinh doanh (EDBI) của Việt Nam do Ngân hàng thế giới tổng hợp đã được cải thiện đáng kể. Theo đó, Việt Nam xếp hạng 70 trên tổng số 190 quốc gia năm 2020. Với việc tăng điểm tại báo cáo EDBI, khu vực kinh tế tư nhân và khu vực FDI được kỳ vọng tăng trưởng và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế nói chung.

Ở chiều ngược lại, kinh tế Việt Nam đang phát triển nhanh nhưng chưa thực sự bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc. Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 và cuộc xung đột Nga - Ukraine có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực, kéo dài đến những năm đầu của kỳ Chiến lược; yêu cầu đặt ra không chỉ hoá giải các nguy cơ, vượt qua khó khăn, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước vận hội mới, thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch. Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam còn nhiều vấn đề nội tại cần giải quyết cũng như phải đối mặt với nhiều rủi ro, cụ thể:

- Mức tăng trưởng cao trong thời kỳ vừa qua chủ yếu dựa vào đầu tư cao, khai thác tài nguyên, năng suất lao động thấp…dễ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Áp lực và nguy cơ lạm phát vẫn thường tiềm ẩn; ngân sách khó khăn, nợ công cao; mức dự trữ ngoại hối quốc gia chưa bền vững; quá trình cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước còn chậm; hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn khó khăn; sức cầu của nền kinh tế thấp.

- Kế hoạch tái cấu trúc thị trường tài chính đã đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, việc giải quyết nợ xấu của các tổ chức tín dụng vẫn gặp nhiều khó khăn, chưa có khả năng xử lý sớm. Vấn đề nợ xấu, nếu không được giải quyết triệt để trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng duy trì hoạt động ổn định của thị trường tài chính và là cản trở đối với sự phát triển kinh tế nói chung.

- Thâm hụt ngân sách và nợ công tăng cao tiếp tục là một vấn đề chưa được giải quyết triệt để. Mức nợ công tăng cao gần giới hạn cho phép của Quốc hội đang ảnh hưởng trực tiếp khả năng đầu tư của Chính phủ đồng thời nếu không được kiềm chế sẽ ảnh hưởng đến mặt bằng lãi suất, làm giảm đầu tư của khu vực tư nhân;

- Kinh tế Việt Nam hiện đang có độ mở rất lớn so với các quốc gia trên thế giới. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, tỷ lệ xuất nhập khẩu/GDP của Việt Nam là 200%, đứng thứ 6 trên thế giới (tăng 2 bậc so với năm 2015). Kinh tế Việt Nam cũng phụ thuộc khá lớn vào đầu tư nước ngoài, trong đó khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trên 71% kim ngạch xuất khẩu và trên 20% GDP. Điều này, một mặt cho thấy các chính sách cải cách của Việt Nam đã phát huy tác dụng, kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, tận dụng được những cơ hội của quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Mặt khác, việc phụ thuộc nhiều vào nền kinh tế thế giới và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài làm kinh tế Việt Nam cũng dễ bị tổn thương hơn. Những biến động trong chính sách kinh tế của các nước lớn, chiến tranh thương mại, căng thẳng địa chính trị, biến đổi khí hậu toàn cầu đều chắc chắn có tác động đáng kể đến tình hình kinh tế Việt Nam.

- Dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tri thức được đánh giá là yếu tố quyết định đến khả năng phát triển và cạnh tranh của một nền kinh tế. Việt Nam có lợi thế về nguồn lao động dồi dào. Tuy nhiên, theo Báo cáo cạnh tranh toàn cầu 2017-2018 của Diễn đàn kinh tế thế giới, trong số trên 50 triệu người thuộc lực lượng lao động chỉ có khoảng 20% được đào tạo nghề, chất lượng đào tạo, chất lượng đào tạo đại học của Việt Nam đứng thứ 84 trên tổng số 140 quốc gia và chất lượng đào tạo quản lý đứng thứ 120/140. Năng suất lao động của Việt Nam ở mức thấp nhất trong khu vực, chỉ bẳng 1/14 so với Singapore, 1/6 so với Malaysia và 1/3 so với Thái Lan. Chất lượng nguồn nhân lực hiện đang là một rào cản lớn đối với phát triển kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam.

Bên cạnh các yếu tố về kinh tế, tài chính, điều kiện xã hội ở Việt Nam cũng có những thay đổi trong vòng 10 năm tới. Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Việt Nam có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất trong khu vực Châu Á. Dự báo, nước ta sẽ chỉ mất không tới 20 năm để tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14% tổng dân số, tức là chuyển từ giai đoạn “đang già” sang “già” – một tốc độ thuộc hàng cao nhất thế giới, thậm chí đến năm 2038, nhóm cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm đến 20% tổng dân số. Điều này tạo nên những thách thức về phát triển kinh tế nói chung và bảo hiểm nói riêng.

**3. Những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức trong việc phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030**

**a) Thuận lợi và cơ hội**

*Một là,* nền kinh tế Việt Nam được dự kiến tiếp tục tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; cơ cấu kinh tế được chuyển dịch, đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP; Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

*Hai là,* thị trường Việt Nam còn nhiều tiềm năng để phát triển, cụ thể:

- Dân số Việt Nam đang trong độ tuổi vàng, là cơ hội phát triển rất nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm hưu trí,... Trong bảo hiểm nhân thọ, hiện nay mới có khoảng 10% số lượng dân cư tham gia bảo hiểm nhân thọ. Một số sản phẩm bảo hiểm tiêu biểu của lĩnh vực này như bảo hiểm hưu trí đang được triển khai rộng rãi ở các quốc gia khác nhưng chưa phổ biến tại Việt Nam.

- Kinh tế phát triển, đầu tư xây dựng mới ngày càng nhiều, lưu thông buôn bán giữa các địa phương, các quốc gia ngày càng gia tăng, tạo rất nhiều tiềm năng cho việc phát triển các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ. Ngoài ra, với sự tham gia sâu rộng các hiệp định thương mại dịch vụ song phương đa phương, Việt Nam có cơ hội tăng xuất nhập khẩu hàng hóa, từ đó cũng tăng trưởng về nhu cầu bảo hiểm tương ứng kèm theo.

*Ba là,* việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho thị trường bảo hiểm phát triển. Các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với các đối tác là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nước ngoài có uy tín, có kinh nghiệm, có tiềm lực tài chính mạnh, từ đó tăng cường hợp tác, chuyển giao công nghệ kinh doanh. Thị trường bảo hiểm đã và đang có rất nhiều các doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu thế giới và khu vực đầu tư phát triển, cam kết hoạt động lâu dài tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại song phương, đa phương đều có các cam kết về cung cấp dịch vụ qua biên giới, vì vậy, đây là cơ hội mở rộng kinh doanh với các doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực.

*Bốn là,* cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các cải cách trong công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong các lĩnh vực, các ngành nghề, thành phần kinh tế và xã hội, tạo cơ hội cho các DNBH và các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm tăng khả năng tiếp cận.

***b) Những khó khăn và thách thức của thị trường bảo hiểm***

*Một là,* tình hình dịch bệnh, biến đổi về môi trường, thời tiết, khí hậu ngày càng khó dự đoán. Trong những năm qua, thiên tai đã gây ra thiệt hại lớn đối với ngành bảo hiểm và xu hướng xảy ra thiên tai ngày càng tăng. Đông Nam Á tiếp tục được xem là “rốn bão” của thế giới, dễ bị ảnh hưởng nhất cuả biến đổi khí hậu do lụt, bão, nước biển dâng, hạn hán... Việt Nam là nước dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Theo đánh giá hàng năm về những nước chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (CRI)[[2]](#footnote-2). Sự biến đổi thời tiết ảnh hưởng đến các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm nhân thọ.

*Hai là,* nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chất lượng tăng trưởng, năng suất và sức cạnh tranh còn thấp, hiệu quả sử dụng nguồn lực còn hạn chế, kết cấu hạ tầng yếu kém. Bên cạnh đó, những thách thức từ rủi ro nền kinh tế toàn cầu sẽ tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam như khủng hoảng kinh tế, đình trệ, khủng hoảng nguồn cung, lạm phát, chiến tranh thương mại, ảnh hưởng của các đại dịch.... Đặc biệt, xu hướng lãi suất thấp ở các nền kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

*Ba là,* Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, có ảnh hưởng sâu rộng đến lĩnh vực tài chính nói riêng và lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nói riêng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở dữ liệu sẵn có để tăng khả năng tiếp cận, mở rộng và phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm và kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ thông tin tạo nên thách thức về thay đổi cơ cấu của kênh phân phối, sản phẩm bảo hiểm, tạo rủi ro an toàn, an ninh thông tin khi nhiều hoạt động hơn trên môi trường số, cạnh tranh có thể gay tắt hơn và thách thức trong xây dựng quy định pháp luật và quản lý, giám sát.

*Bốn là,* với định hướng hội nhập tài chính càng sâu rộng, đặc biệt là việc triển khai Lộ trình hội nhập tài chính ASEAN giai đoạn 2016-2025 với mục tiêu tiếp tục mở cửa tự do hóa hơn nữa các lĩnh vực dịch vụ tài chính, sức ép cạnh tranh đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính, trong đó có bảo hiểm sẽ gia tăng trong thời gian tới. Trong bối cảnh các DNBH trong nước đa phần nhỏ cả về quy mô vốn và ít kinh nghiệm so với các doanh nghiệp nước ngoài và đang phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài đã có hiện diện tại Việt Nam, việc mở cửa cho phép các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ thông qua cả 4 phương thức sẽ là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, việc tiếp tục mở cửa hội nhập cũng sẽ làm gia tăng khả năng phát sinh các tranh chấp quốc tế trong thương mại dịch vụ, đặc biệt là giữa nhà đầu tư và Chính phủ.

**4. Tác động của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15**

Ngày 16/6/2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm tại kỳ họp thứ ba (Luật số 08/2022/QH15. Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2023. Tác động của Luật Kinh doanh bảo hiểm đến thị trường bảo hiểm như sau:

***a) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện hành:***

- Quy mô thị trường bảo hiểm Việt Nam còn khiêm tốn, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp (khoảng 3%) so với các nước tiên tiến trong khu vực (10%) và trên thế giới (7%)[[3]](#footnote-3), số lượng người tham gia bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 11% dân số. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, cuộc sống người dân được cải thiện, nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang ngày càng cao và đa dạng đòi hỏi có những sản phẩm bảo hiểm linh hoạt, đa dạng và toàn diện.

Do đó, để đáp ứng các nhu cầu trên, Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động hơn trong thiết kế, xây dựng và triển khai sản phẩm bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải đăng ký với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) thay vì phải được Bộ Tài chính phê chuẩn quy tắc, điều khoản, biểu phí sản phẩm bảo hiểm như trước đây. Quy định mới này không chỉ tăng quyền chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm mà còn giảm thiểu thời gian thực hiện các thủ tục hành chính.

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm còn chưa cao do: (i) việc ứng dụng thành tựu công nghệ còn chưa đồng đều, chưa sâu (do các doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư, chưa có quy định cụ thể để làm căn cứ thực hiện); (ii) cạnh tranh gay gắt dẫn đến chi phí doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho kênh phân phối lớn, từ đó làm tăng chi phí của người tham gia bảo hiểm và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bảo hiểm được cung cấp, hoặc cạnh tranh hạ phí bảo hiểm dẫn đến giảm chất lượng dịch vụ khách hàng; (iii) đại lý, môi giới bảo hiểm chưa chuyên nghiệp; (iv) hiệu quả hoạt động chưa cao do phụ thuộc nhiều vào nhà tái bảo hiểm nước ngoài.

Để tạo thuận tiện và gia tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng phù hợp xu thế cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã có các quy định nhằm khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quản trị doanh nghiệp cũng như phương thức cung cấp sản phẩm bảo hiểm. Theo các quy định này, doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, các tổ chức phân phối dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm qua mạng được xác định vị trí pháp lý rõ ràng, việc cung cấp sản phẩm dịch vụ qua mạng cũng phải đáp ứng các điều kiện nhất định, qua đó bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm.

Ngoài ra, Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã có các quy định về nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh như cấm đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm, bổ sung quy định về điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm, quy định về nguyên tắc hoạt động của đại lý, những điều đại lý bảo hiểm không được làm, bổ sung khái niệm hoạt động môi giới bảo hiểm, quyền của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm để nhằm chuẩn hoá hoạt động phân phối bảo hiểm.

- Một số doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có năng lực cạnh tranh thấp do vốn còn nhỏ, quản trị doanh nghiệp yếu, khả năng kiểm soát rủi ro của một số doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế; chất lượng cán bộ chưa theo kịp và chưa đáp ứng với sự phát triển của thị trường.

Để đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới mô hình quản lý giám sát theo hướng hiện đại, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế, Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã bổ sung quy định đổi mới quản lý tài chính doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm tự xác định vốn trên cơ sở rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm phải duy trì vốn thực có cao hơn so với vốn trên cơ sở rủi ro theo quy định của Bộ Tài chính; bổ sung các quy định về chuẩn hóa cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bảo hiểm, người quản lý, người giám sát; yêu cầu doanh nghiệp xây dựng và thực hiện quản trị rủi ro, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị tài chính; tăng cường công khai thông tin.

- Hoạt động đầu tư (công cụ đầu tư chưa đa dạng), cùng với sự phát triển của thị trường bảo hiểm, nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế từ ngành bảo hiểm ngày càng lớn. Để đảm bảo hiệu quả đầu tư, đáp ứng các cam kết với khách hàng tham gia bảo hiểm trong dài hạn, doanh nghiệp bảo hiểm đang có nhu cầu đầu tư vào nhiều tài sản khác nhau, thời hạn đa dạng và chi phí hợp lý.

Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 cho phép doanh nghiệp chủ động trong lựa chọn tài sản đầu tư, đầu tư một phần vốn ra nước ngoài phù hợp với năng lực tài chính và khả năng quản trị rủi ro của mình. Quy định về đầu tư này phù hợp với việc áp dụng mô hình quản lý vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của doanh nghiệp. Luật cũng bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư, những điều không được làm như đầu tư vào kim loại quý, vào tài sản vô hình,.. nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Quy định hiện hành yêu cầu doanh nghiệp công khai, minh bạch thông tin chưa đầy đủ, còn thiếu các thông tin mang tính cập nhật hoặc thông tin về các tình huống có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống rửa tiền theo khuyến cáo của Nhóm châu Á Thái Bình Dương về phòng chống rửa tiền (APG).

Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã hoàn thiện các quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm nâng cao tính minh bạch và dễ tiếp cận của thông tin. Theo đó, Luật phân nhóm và yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện công khai thông tin định kỳ, công khai thông tin thường xuyên, công khai thông tin bất thường; quy định về các phương thức công khai thông tin và thời hạn công khai thông tin. Bên cạnh đó, Luật cũng bổ sung quy định về nội dung công khai thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu của APG.

- Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi năm 2010 và 2019) không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại các văn bản pháp luật có liên quan như Bộ Luật dân sự, Luật doanh nghiệp. Đồng thời, còn thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ kinh doanh bảo hiểm, như hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là trong thời đại cách mạng công nghiệp, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm, gian lận bảo hiểm...

Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã sửa đổi, bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng vô hiệu, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng; bãi bỏ quy định về thời hiệu khởi kiện, thời điểm phát sinh trách nhiệm của hợp đồng... để đảm bảo thống nhất với Bộ luật dân sự, dễ áp dụng trên thực tế; Phân loại rõ các loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm; quy định rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm; nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia hợp đồng bảo hiểm trong việc cung cấp thông tin; Bổ sung các quy định về nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; quyền thỏa thuận giao kết nhiều loại hợp đồng bảo hiểm; bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm nhân thọ,... để bảo đảm quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm; Bổ sung quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án.

- Quản lý nhà nước còn trên cơ sở tuân thủ, phê chuẩn trước khi thực hiện, chỉ can thiệp sau khi có sự việc xảy ra; thiếu sự liên kết hợp tác giữa các cơ quan quản lý trong việc triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ.

Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; bổ sung quy định Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài trong việc phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát cùng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

***b) Mang lại cả cơ hội và thách thức sau khi Luật có hiệu lực:***

***- Cơ hội:*** Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã có những thay đổi cơ bản nhằm kiến tạo thị trường và tạo cơ hội cho thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh, chuyên nghiệp, cụ thể:

*Một là*, Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp bảo hiểm.

Môi trường pháp lý được cải thiện theo hướng thông thoáng hơn sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài như các tập đoàn tài chính, bảo hiểm cũng như các nhà đầu tư trong nước có tiềm lực kinh tế lớn. Đây cũng là cơ sở để thị trường bảo hiểm tăng trưởng do nhiều doanh nghiệp tham gia hơn sẽ cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng.

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tăng cơ hội kinh doanh và doanh thu do được chủ động phát triển sản phẩm bảo hiểm mới. Đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sẽ tiết kiệm chi phí nhân sự, vận hành bộ máy bán hàng, tăng lợi ích kinh tế.

*Hai là*, việc chuyển đổi sang mô hình vốn trên cơ sở rủi ro góp phần nâng cao tính an toàn tài chính, an toàn hệ thống của thị trường bảo hiểm. Thị trường bảo hiểm sẽ minh bạch hơn do có các quy định rõ ràng về công khai thông tin.

*Ba là*, việc thay đổi phương thức quản lý giám sát từ can thiệp sau sang can thiệp sớm sẽ góp phần hạn chế số doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

*Bốn là*, việc hoàn thiện quy định về hợp đồng bảo hiểm theo hướng tăng tính minh bạch về sản phẩm (từ phía doanh nghiệp bảo hiểm) và đối tượng được bảo hiểm (từ phía bên mua bảo hiểm), nhằm giảm tranh chấp có thể phát sinh, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, an toàn.

***- Thách thức:***Việc áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng có thể tạo ra những thách thức sau:

*Một là,* số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm ngày càng nhiều, đồng thời việc minh bạch hóa thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đa chiều của DNBH sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

*Hai là,* để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, DNBH phải đầu tư thiết lập bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo và tuyển dụng nhân sự đáp ứng các yêu cầu về trình độ đối với các chức danh quản lý của doanh nghiệp.

*Ba là,* cơ quan quản lý bảo hiểm cũng phải cải thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân viên để đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu về mô hình quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro.

**II. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030**

**1. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bảo hiểm**

- Phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực bảo hiểm; xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm theo hướng hiện đại, tiếp cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế, bền vững, hài hòa lợi ích của các bên tham gia bảo hiểm, bám sát Chiến lược tài chính đến năm 2030.

- Phát triển thị trường bảo hiểm theo hướng coi trọng phát triển cả về quy mô và chất lượng; tăng cường khả năng cạnh tranh của các định chế trung gian, tạo sự liên thông giữa hoạt động của bảo hiểm với thị trường tài chính để cân bằng giữa các cấu phần của thị trường tài chính.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro thị trường, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, lành mạnh, bền vững, hiệu quả.

- Việc phát triển thị trường bảo hiểm được thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện, có kế hoạch, lộ trình cụ thể, có bước đi thận trọng, chắc chắn, được công bố công khai, không làm xáo trộn hoạt động của thị trường bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm và sự an toàn của cả hệ thống; tiết giảm chi phí xã hội. Bảo đảm nguyên tắc thị trường, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện vai trò quản lý, giám sát, không làm thay doanh nghiệp.

**2. Mục tiêu phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030**

***2.1. Mục tiêu tổng quát***

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Nâng cao tính an toàn hệ thống, bền vững và hiệu quả của thị trường; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh tích cực trên thị trường trong nước và khu vực.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận tiện nhất trong việc tham gia bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng của các tổ chức và cá nhân. Nâng cao quản trị rủi ro, an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm.

***2.2 Mục tiêu cụ thể***

- Doanh thu ngành bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 15%/năm, đến năm 2025, quy mô đạt 3%-3,3% GDP; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 quy mô đạt 3,3% - 3,5% GDP.

- Đến năm 2025 có 15% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ; đến năm 2030 có 18% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân về tổng tài sản, tổng số tiền đầu tư, tổng dự phòng nghiệp vụ, tổng nguồn vốn chủ sở hữu tăng bình quân 15%/năm giai đoạn 2021-2025 và 10%/năm giai đoạn 2026-2030.

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng đạt bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2023-2030.

- Phí bảo hiểm bình quân đầu người đạt 3 triệu đồng năm 2025, 5 triệu đồng năm 2030.

*(Các dự báo phát triển của thị trường bảo hiểm đến năm 2030 chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

**III. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM ĐẾN NĂM 2030**

**1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm**

Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm bao gồm các vấn đề đã được giao trong Luật và các nội dung dưới đây:

- Hướng dẫn chi tiết về mô hình vốn trên cơ sở rủi ro, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các biện pháp can thiệp đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

- Xây dựng và ban hành quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Nghiên cứu xây dựng các quy định pháp luật cho phép doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng các giải pháp định danh khách hàng qua các phương tiện điện tử.

- Xây dựng và ban hành quy định về quản lý cơ sở dữ liệu chung, đồng bộ các thông tin về thị trường bảo hiểm, có quy định chia sẻ và sử dụng chung dữ liệu.

- Rà soát và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về triển khai các sản phẩm bảo hiểm có tính đặc thù, sản phẩm bảo hiểm có tác động an sinh xã hội, thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế xã hội như bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm thiên tai, liên kết bảo hiểm y tế thương mại và bảo hiểm y tế xã hội,...

- Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

- Hướng dẫn chi tiết về các loại chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm, đảm bảo chuẩn hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

**2. Tăng cường năng lực tài chính, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp và công khai minh bạch của doanh nghiệp bảo hiểm**

- Nâng cao năng lực về tài chính, tăng cường quản trị tài chính, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và quy định pháp luật mới về an toàn tài chính.

- Xây dựng đầy đủ hệ thống quản trị rủi ro tại doanh nghiệp bảo hiểm, kịp thời phát hiện được các rủi ro phát sinh từ hoạt động nghiệp vụ, hoạt động tài chính và quản trị doanh nghiệp nhằm đo lường rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát và loại bỏ rủi ro, giám sát và đánh giá lại rủi ro của từng hoạt động và các rủi ro liên quan đến các hoạt động này.

- Doanh nghiệp bảo hiểm tự đánh giá, xếp loại, chủ động có biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, hạn chế tổn thất, can thiệp và điều chỉnh kịp thời trong quá trình hoạt động nhằm ngăn chặn nguy cơ mất khả năng thanh toán, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Cải thiện năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro doanh nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Tăng cường công khai thông tin đầy đủ, toàn diện, kịp thời nhằm giúp cho bên mua bảo hiểm và các tổ chức có liên quan hiểu rõ về cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệpnâng cao kỷ luật và minh bạch của thị trường.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp đủ năng lực và có nhu cầu niêm yết trên thị trường chứng khoán; thúc đẩy các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đủ điều kiện thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

**3. Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm**

- Khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm phát triển đa dạng các dòng sản phẩm mới, lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong nhiều hoạt động kinh tế và đời sống, cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, khuyến khích nghiên cứu phát triển các sản phẩm bảo hiểm dành cho người già; các sản phẩm bảo hiểm tích hợp các dịch vụ hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người tham gia bảo hiểm.

+ Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp; các sản phẩm bảo hiểm rủi ro thảm họa, thiên tai, rủi ro mới phát sinh thông qua cơ chế quỹ rủi ro bảo hiểm; bảo hiểm xanh; sản phẩm bảo hiểm về an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng; hợp tác, chia sẻ thông tin để xây dựng cơ sở phí bảo hiểm thuần, tránh hạ phí bảo hiểm ảnh hưởng đến an toàn tài chính và giảm thiểu rủi ro trục lợi bảo hiểm.

- Khuyến khích phát triển các sản phẩm có ý nghĩa cộng đồng và góp phần ổn định an sinh xã hội như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện,....

- Khuyến khích đổi mới phương thức phát triển, thiết kế sản phẩm bảo hiểm gắn liền với cách mạng công nghiệp ; các sản phẩm bảo hiểm được thiết kế theo hướng cá nhân hóa đặc tính, nhu cầu của khách hàng.

- Đẩy mạnh ứng dụng giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử trong giao dịch bảo hiểm đảm bảo an toàn, bảo mật và tin cậy.

**4. Đa dạng và chuyên nghiệp hóa kênh phân phối bảo hiểm**

- Phát triển các kênh phân phối theo hướng chuyên nghiệp, theo kịp với sự phát triển của cách mạng công nghiệp, phục vụ tốt nhất bên mua bảo hiểm và tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận bảo hiểm một cách dễ dàng nhất.

- Chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối thông qua việc ban hành quy định hoặc các quy tắc đạo đức hành nghề; xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng hệ thống kênh phân phối.

- Chuẩn hóa hoạt động phân phối bảo hiểm qua đại lý tổ chức, đại lý ngân hàng thông qua việc chuẩn hóa tiêu chuẩn đại lý bảo hiểm, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; nâng cao chất lượng đào tạo và thi đại lý bảo hiểm.

**5. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực tại lĩnh vực mới của thị trường được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm, như quản trị rủi ro, vốn trên cơ sở rủi ro, quản lý tài chính doanh nghiệp bảo hiểm, công nghệ thông tin,.. thông qua việc đào tạo, tuyển dụng, cơ chế chi trả,..

- Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phổ biến kiến thức đối với thị trường bảo hiểm….

- Tinh gọn bộ máy, xã hội hóa hoạt động đào tạo; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tăng cường chất lượng công tác tổ chức thi cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm, đóng góp xây dựng cơ chế chính sách; tăng cường hợp tác đào tạo với các tổ chức đào tạo quốc tế về bảo hiểm và các lĩnh vực chuyên môn khác nhằm phát triển kinh doanh bảo hiểm.

**6. Đẩy mạnh tuyên truyền về bảo hiểm**

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến về vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của bảo hiểm cũng như pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đối với các tổ chức, cá nhân. Nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm và thị trường bảo hiểm.

- Phổ biến kịp thời các thay đổi về quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm; chính sách bảo hiểm của Nhà nước đối với người dân và các doanh nghiệp bảo hiểm, các tổ chức có liên quan.

- Đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, phố biến kiến thức về bảo hiểm như qua các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức sự kiện ngành bảo hiểm, hội chợ, các cuộc thi,...

- Xây dựng trang thông tin dành riêng cho khách hàng tham gia bảo hiểm trong đó giới thiệu chung về bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, các quy trình tham gia bảo hiểm, yêu cầu bồi thường, cơ chế hòa giải, giải quyết tranh chấp nhằm tạo cho người dân một cơ chế tiếp cận thông tin chính thống, toàn diện, đầy đủ và thuận tiện.

**7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bảo hiểm, quản lý nhà nước hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

- Khuyến khích thúc đẩy doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, ứng dụng trong tất cả các khâu của kinh doanh bảo hiểm, có biện pháp bảo vệ thông tin, bảo mật thông tin khách hàng.

- Xây dựng khung thể chế thử nghiệm cho các dịch vụ công nghệ bảo hiểm theo thông lệ tốt nhất, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển các dịch vụ bảo hiểm số mới.

- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin giữa doanh nghiệp bảo hiểm, Hiệp hội bảo hiểm, cơ quan quản lý nhằm phòng chống gian lận bảo hiểm, hỗ trợ và tư vấn pháp lý, giải quyết khiếu nại; cơ chế chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Triển khai dự án hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm nhằm hệ thống hóa một cách đồng bộ, toàn diện toàn bộ dữ liệu ngành bảo hiểm, vừa phục vụ công tác quản lý giám sát, vừa xây dựng cơ sở tính toán phí bảo hiểm thuần, phương pháp định phí bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro và trục lợi bảo hiểm, giảm thiểu cạnh tranh không lành mạnh đồng thời bắt kịp với xu hướng cách mạng công nghiệp.

- Thúc đẩy chuyển đổi số công tác quản lý và phát triển thị trường bảo hiểm, phát triển và sử dụng các nền tảng số để thúc đẩy phát triển và tối ưu hóa thị trường bảo hiểm. Ứng dụng các giải pháp công nghệ số, nền tảng số để giám sát, đo lường trực tuyến kết quả thực hiện các chỉ tiêu chí quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo hiểm đảm bảo minh bạch, chính xác, kịp thời.

**8. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm**

- Chuyển đổi sang quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro trên cơ sở kiểm tra chỉ tiêu an toàn vốn, phân loại, đánh giá doanh nghiệp, cập nhật và hoàn thiện hệ thống giám sát và cảnh báo sớm.

- Xây dựng và ban hành sổ tay quản lý, giám sát bảo hiểm trên cơ sở rủi ro trong đó xây dựng hồ sơ doanh nghiệp và xếp loại doanh nghiệp dựa trên cơ sở rủi ro và các tiêu chí áp dụng các biện pháp can thiệp (nếu có); xây dựng và ban hành sổ tay kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp bảo hiểm.

- Cải thiện chỉ tiêu mức độ tuân thủ hoàn toàn các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật để răn đe, tăng tính tuân thủ của các doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin và phối hợp với các cơ quan quản lý trong lĩnh vực khác có liên quan,... trong phát triển các sản phẩm bảo hiểm mới, phương thức kinh doanh mới và quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan quản lý nước ngoài trong quản lý, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố đặc biệt trong việc quản lý, giám sát dịch vụ cung cấp bảo hiểm qua biên giới, hoạt động kinh doanh đa quốc gia của các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Tăng cường minh bạch hóa hoạt động quản lý, giám sát của cơ quan quản lý với thị trường bảo hiểm, trong đó thúc đẩy việc công khai các hoạt động quản lý giám sát hàng năm của cơ quan quản lý tương tự như các cơ quan quản lý bảo hiểm khác trên thế giới.

**9. Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm**

- Khuyến khích thành lập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; ban hành các bộ quy chuẩn chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, thực thi các bộ quy chuẩn nhằm nâng cao chất lượng hành nghề và đạo đức nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức xã hội- nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền về bảo hiểm, tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp là đầu mối của toàn thị trường trong việc tổng hợp ý kiến, phản ánh và đề xuất của các thành viên hội nghề nghiệp về cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, cầu nối với các cơ quan có liên quan để thực thi chính sách hiệu quả.

- Phát huy vai trò tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong ngành bảo hiểm trong việc hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trên các lĩnh vực pháp lý, thể chế, chính sách và đào tạo nguồn nhân lực, giám sát sự tuân thủ quy định pháp luật của các thành viên; phòng chống trục lợi bảo hiểm, rửa tiền, tài trợ khủng bố trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

**10. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm**

- Xây dựng và thực hiện lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phù hợp với lộ trình hội nhập bảo hiểm của ASEAN và các cam kết quốc tế khác.

- Chủ động, tích cực tham gia Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ, hợp tác song phương giữa các cơ quan quản lý bảo hiểm thông qua chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ, đào tạo cán bộ, hội thảo nghiệp vụ.

- Triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm, các chương trình hợp tác đang thực hiện với các tổ chức và đối tác quốc tế, đặc biệt là các dịch vụ bảo hiểm trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết.

- Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục nghiên cứu đầu tư ra nước ngoài để mở rộng cơ hội kinh doanh, trong đó tập trung vào các địa bàn có tiềm năng và thuận lợi trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả.

**IV. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ phục vụ việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương./.

1. Tương đương 2,9% GDP quy mô điều chỉnh [↑](#footnote-ref-1)
2. David Eckstein, Vera Künzel và Laura Schäfer 2017, “[Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu 2018: Quốc gia nào sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ những hiện tượn thời tiết cực đoan?”](https://opendevelopmentmekong.net/dataset/?id=1db59ac1-16cd-48cc-b175-6d0ca1ae8ad4&search_query=P3M9Z2xvYmFsK2NsaW1hdGUrcmlzaytpbmRleA==), [↑](#footnote-ref-2)
3. Nguồn: Swiss Re, chi tiết tại Phụ lục 1 [↑](#footnote-ref-3)